

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

...../.....

BỘ NỘI VỤ

...../.....

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

MAI TÚ ANH

**KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI
QUỐC DOANH TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI,
TỈNH QUẢNG BÌNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. ĐẶNG THỊ HÀ

THỪA THIÊN HUẾ - NĂM 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

...../.....

BỘ NỘI VỤ

...../.....

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

MAI TÚ ANH

**KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI
QUỐC DOANH TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI,
TỈNH QUẢNG BÌNH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60 34 02 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. ĐẶNG THỊ HÀ

THỪA THIÊN HUẾ - NĂM 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: luận văn là công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng.

Học viên

Mai Tú Anh

Lời Cảm Ơn

Với lòng kính trọng và sự tri ân sâu sắc, trước tiên tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý Thầy, Cô Học viện Hành chính Quốc gia đã trang bị cho tôi nhiều kiến thức quý báu trong suốt thời gian qua.

Đặc biệt, tôi xin chân thành cảm ơn TS. Đặng Thị Hà đã hết lòng giúp đỡ, hướng dẫn tận tình từ lúc định hướng chọn đề tài cũng như quá trình hoàn thiện nghiên cứu, cô luôn động viên và tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp tôi có thể hoàn thành luận văn này.

Tôi cũng xin cảm ơn các bạn bè, đồng nghiệp đã luôn quan tâm giúp đỡ, cung cấp rất nhiều số liệu, chia sẻ nhiều kinh nghiệm thực tế để giúp tôi có thể hoàn thành nghiên cứu này.

Trân trọng!

Chùa Thiên Huế, tháng 5 năm 2017

Học viên

Mai Tú Anh

MỤC LỤC

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Danh mục các từ viết tắt	
Mục lục	
Danh mục các bảng	
Danh mục sơ đồ	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH	7
1.1. Tổng quan về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh..	7
1.1.1. Khái quát về doanh nghiệp ngoài quốc doanh	7
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò kiểm tra thuế.....	8
1.1.3. Mục tiêu, nguyên tắc, các hình thức kiểm tra thuế.....	10
1.1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kiểm tra thuế.....	15
1.2. Nội dung quy trình kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh	18
1.2.1. Khái niệm quy trình kiểm tra thuế	18
1.2.2. Quy trình kiểm tra thuế.....	20
1.3. Kinh nghiệm kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở một số quốc gia; một số địa phương trong nước và bài học kinh nghiệm rút ra cho Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới.....	29
1.3.1. Kinh nghiệm kiểm tra thuế ở một số nước trên thế giới	29
1.3.2. Kinh nghiệm kiểm tra thuế ở một số địa phương trong nước.....	31
1.3.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	32
<i>Tiểu kết chương 1</i>	<i>34</i>

Chương 2: THỰC TRẠNG KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH..... 35

2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới và Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới..... 35

2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới..... 35

2.1.2. Giới thiệu về Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới..... 37

2.2. Thực trạng kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới..... 41

2.2.1. Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế..... 42

2.2.2. Công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế..... 47

2.2.3. Công tác tổng hợp, báo cáo, lưu trữ hồ sơ kiểm tra thuế..... 61

2.2.4. So sánh công tác kiểm tra thuế của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới so với một số Chi cục khác trong tỉnh Quảng Bình..... 62

2.3. Đánh giá thực trạng kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới..... 65

2.3.1. Kết quả đạt được..... 65

2.3.2. Tồn tại và nguyên nhân tồn tại của kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới..... 68

Tiểu kết chương 2..... 76

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH..... 77

3.1. Định hướng kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh... 77

3.1.1. Định hướng về kiểm tra thuế của ngành Thuế..... 77

3.1.2. Định hướng kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục Thuế tỉnh Quảng Bình..... 78

3.1.3. Định hướng kiểm tra đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới	79
3.2. Giải pháp hoàn thiện kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới	79
3.2.1. Phát triển số lượng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	79
3.2.2. Hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế	81
3.2.3. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ hiệu quả cho thanh tra, kiểm tra thuế.....	82
3.2.4. Hoàn thiện kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra thuế.....	83
3.2.5. Tăng cường kiểm tra về thuế theo một số lĩnh vực, chuyên đề....	85
3.2.6. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế phối hợp các ngành có liên quan trong kiểm tra thuế.....	88
3.2.7. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thuế cho doanh nghiệp trên địa bàn	88
3.3. Kiến nghị	89
3.3.1. Đối với nhà nước.....	89
3.3.2. Đối với Bộ Tài chính	90
3.3.3. Đối với Tổng cục Thuế.....	90
3.3.4. Đối với Cục Thuế tỉnh Quảng Bình	90
Tiểu kết chương 3	91
KẾT LUẬN	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Diễn giải
1	BCTC	Báo cáo tài chính
2	CQT	Cơ quan Thuế
3	DN	Doanh nghiệp
4	ĐTNT	Đối tượng nộp thuế
5	GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
6	NNT	Người nộp thuế
7	NSNN	Ngân sách Nhà nước
8	QLT	Quản lý thuế
9	SXKD	Sản xuất kinh doanh
10	TNCN	Thuế Thu nhập cá nhân
11	TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
12	TTĐB	Thuế tiêu thụ đặc biệt

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Số lượng DN NQD phải kiểm tra hồ sơ khai thuế giai đoạn 2014 - 2016 tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới	44
Bảng 2.2: Kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT giai đoạn 2014-2016 của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới	46
Bảng 2.3: Tình hình hoàn thành kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở NNT.....	49
Bảng 2.4: Kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT	53
giai đoạn 2014 - 2016 của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới	53
Bảng 2.5: Bảng tổng hợp kết quả thu NSNN giai đoạn 2014-2016	54
Bảng 2.6: Số liệu kết quả kiểm tra năm 2015 tại Công ty TNHH Tân Bình ..	56
Bảng 2.7: Tình hình nợ thuế của NNT sau kiểm tra 2014-2016.....	60
Bảng 2.8: Số DN phải kiểm tra tại trụ sở NNT trong 3 năm 2014-2016.....	63

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ số DN phải kiểm tra theo kế hoạch so với tổng số DN đang hoạt động từ năm 2014 đến năm 2016	49
Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ số lượng DN được kiểm tra hồ sơ khai thuế trên tổng số DN đang hoạt động của các Chi cục Thuế.....	62
Biểu đồ 2.3: So sánh kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT ở Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, Chi cục Thuế Huyện Bố Trạch, Chi cục Thuế Huyện Quảng Trạch từ năm 2014- 2016	64

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Quy trình kiểm tra thuế.....	19
---	----

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN), các quốc gia đều tồn tại phát triển trên cơ sở nguồn thu ngân sách, trong đó, thu từ thuế đóng vai trò chủ yếu và mang tính quyết định. Ngoài ra, thuế còn là một công cụ quản lý quan trọng, có hiệu lực để Nhà nước quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Phạm vi và đối tượng tác động của thuế rất rộng, liên quan đến mọi ngành, mọi cấp, mọi công dân của mỗi quốc gia và các quốc gia khác có liên quan đến lợi ích kinh tế. Có thể nói, hệ thống chính sách, pháp luật thuế Nhà nước có vai trò, vị trí vô cùng quan trọng của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, của việc bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia và hội nhập quốc tế.

Vì vậy, quản lý thuế (QLT) là hoạt động được sự quan tâm của Nhà nước nói chung và của các chính quyền cũng như các ban ngành đoàn thể. Trong những chức năng của QLT, kiểm tra thuế là một trong những chức năng quan trọng nhất, vì kiểm tra thuế là cách thức cơ bản để CQT phát hiện, ngăn ngừa, cảnh báo và xử lý kịp thời những gian lận thuế. Kiểm tra thuế cũng giúp phát hiện những bất hợp lý trong chính sách thuế và pháp luật thuế để nghiên cứu bổ sung, sửa đổi nhằm phát huy tốt nhất vai trò của thuế trong việc đảm bảo số thu cho NSNN và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Bởi vậy, muốn nâng cao hiệu quả QLT, một trong những việc mà cơ quan thuế (CQT) các cấp phải làm là thường xuyên hoàn thiện và nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế.

Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới thuộc Cục Thuế tỉnh Quảng Bình thời gian qua đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách, tốc độ tăng trưởng năm sau luôn cao hơn năm trước. Trong kết quả đó có phần đóng góp không nhỏ của kiểm tra thuế. Mặc dù đã có nhiều cố gắng song kiểm tra thuế tại Chi cục vẫn còn những bất cập, chưa đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn và vẫn còn

những hạn chế nhất định, cần nghiên cứu hoàn thiện để góp phần nâng cao hiệu quả QLT.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả chọn đề tài “*Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình*” làm đề tài luận văn thạc sỹ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Ở Việt Nam đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu cả hai nội dung về thanh tra, kiểm tra thuế dưới dạng giáo trình, luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ hoặc một số bài báo. Có thể nêu một số đề tài như:

- Nguyễn Xuân Thành (2013), *Nâng cao hiệu quả thanh tra người nộp thuế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Học viện tài chính, Hà Nội. Tác giả đã hệ thống hóa, luận giải, phân tích và làm rõ một số vấn đề lý luận về thanh tra thuế, hiệu quả thanh tra thuế. Tác giả tiếp cận khái niệm thanh tra thuế theo hướng coi thanh tra thuế là thanh tra chuyên ngành, chịu sự điều chỉnh của Luật thanh tra và Luật QLT. Tác giả đã phân biệt rõ giữa thanh tra thuế và kiểm tra thuế và chỉ ra được các đặc điểm riêng có của thanh tra thuế sơ với thanh tra nói chung đồng thời tác giả chỉ ra các giải pháp nâng cao hiệu quả thanh tra NNT ở Việt Nam.

- Đặng Đình Long (2012), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra ở Cục Thuế Nam Định*, Luận văn Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội. Tác giả đã tóm tắt kết quả thanh tra, kiểm tra thuế của Cục Thuế tỉnh Nam Định giai đoạn 2010-2011 qua số tiền thuế truy thu và xử phạt. Tác giả đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế về công tác thanh tra, kiểm tra thuế ở cả CQT và trụ sở NNT. Giải pháp mà tác giả cần tập trung nêu ra để khắc phục hạn chế đó là tổ chức lại bộ máy, công tác chuyên môn và hoàn thiện chính sách thuế.

- Phan Thị Minh Hiền (2012), *Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế của Cục Thuế đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội. Tác giả đã trình bày lý luận hiệu quả kiểm tra, thanh tra thuế với các nội dung: khái niệm và các tiêu chí xác định hiệu quả kiểm tra, thanh tra thuế. Hiệu quả của kiểm tra, thanh tra thuế được xác định qua các tiêu chí: số thu tăng, chi phí thấp, mức độ thực thi pháp luật, công bằng xã hội.

- Nguyễn Thu Thủy (2010), *Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế trên cơ sở áp dụng kỹ thuật phân tích rủi ro tại Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội. Tác giả đã đề cập đến kỹ thuật phân tích rủi ro trong kiểm tra thuế GTGT và TNDN đối với các DN thuộc sự quản lý của Chi cục Thuế Quận Cầu Giấy. Tác giả nêu bật tầm quan trọng của phân tích rủi ro trong kiểm tra thuế. Các lý luận về rủi ro của tác giả tương đối đầy đủ, đã đưa ra một số tiêu chí đánh giá rủi ro và xếp hạng rủi ro theo chấm điểm DN. Tác giả nhấn mạnh việc hoàn thiện kỹ thuật phân tích rủi ro là một giải pháp quan trọng để công tác kiểm tra thuế có hiệu quả.

- Bùi Thái Quang (2013), *“Phương pháp quản lý rủi ro, đảm bảo nguồn thu ngân sách bền vững”*, Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán, số 8(589). Trong bài viết này, tác giả đã sưu tầm được kinh nghiệm phong phú của các cơ quan QLT trên thế giới (Hoa Kỳ, Châu Âu) về áp dụng quản lý rủi ro trong lĩnh vực thuế nhằm nâng cao quản lý tuân thủ để giảm thiểu những trường hợp vi phạm về thuế. Tác giả bài viết đã chỉ ra việc quản lý rủi ro trong QLT sẽ làm tăng khả năng đảm bảo nguồn thu không bị thất thoát, giảm khả năng thất thu. Do là một bài báo khoa học, bị giới hạn về hàm lượng nghiên cứu nên tác giả mới chỉ tập trung vào phân biện giải cơ sở để CQT tiến hành thanh

tra theo rủi ro, nhưng chưa có được các biện pháp làm thế nào để quản lý tốt rủi ro trong thanh tra thuế nhằm tăng thu ngân sách bền vững.

Các nghiên cứu của tác giả trên chưa đề cao tính chuyên sâu, chuyên nghiệp, hiệu quả và áp dụng hiệu quả các kỹ năng thanh tra, kiểm tra vào công tác QLT ở cấp Chi cục Thuế thể hiện qua các yếu tố định tính như: Tỷ lệ NNT được kiểm tra trên tổng số NNT do CQT quản lý đạt tối thiểu 20%, tỷ lệ trường hợp kiểm tra có phát hiện sai phạm đạt tối thiểu 90%, tỷ lệ số thuế điều chỉnh giảm sau khiếu nại không quá 3% so với số thuế truy thu theo quy định. Và đến nay chưa có công trình nghiên cứu nào về kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã kế thừa và chọn lọc những kết quả đã đạt được của các công trình đã công bố trước đó, đồng thời đi sâu nghiên cứu thực tiễn vào hoạt động kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích

Hoàn thiện kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, góp phần tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương nói riêng và cho cả nước nói chung. Qua đó góp phần nâng cao hiệu lực QLT của Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới.

3.2. Nhiệm vụ

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm tra thuế đối với DN NQD.
- Phân tích và đánh giá thực trạng kiểm tra thuế đối với DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
- Đề xuất phương hướng, giải pháp để hoàn thiện kiểm tra thuế đối với DN NQD tại Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề lý luận và thực tiễn của kiểm tra thuế đối với các DN NQD do Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới trực tiếp quản lý giai đoạn 2014 - 2016.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Không gian*: Kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- *Thời gian*: Luận văn thu thập và khai thác số liệu kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới từ năm 2014 -2016; đề xuất giải pháp đến 2025.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

- *Phương pháp luận*: Phương pháp luận được sử dụng xuyên suốt trong đề tài là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Dựa vào phương pháp này, các chức năng của QLT được xem như một hệ thống luôn biến đổi, vận động, trong đó có công tác kiểm tra thuế và do đó cần được quan tâm đổi mới để hoàn thiện kiểm tra thuế.

- *Phương pháp nghiên cứu*: Sử dụng các phương pháp thu thập dữ liệu kết hợp với phân tích, tổng hợp, đối chiếu so sánh để rút ra các kết luận có căn cứ khoa học. Luận văn cũng kế thừa và sử dụng có chọn lọc một số một số đề xuất và các giải pháp của một số công trình nghiên cứu có liên quan của các tác giả đi trước. Dựa trên các tài liệu, báo cáo tổng kết hàng năm về kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới từ năm 2014 đến năm 2016.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Về lý luận: Đề tài đã hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về kiểm tra NNT, đặc biệt với DN NQD.

Về thực tiễn: Đề tài đánh giá thực trạng kiểm tra đối với các DN NQD tại thành phố Đồng Hới; chỉ ra những kết quả đạt được, tồn tại và nguyên nhân của tồn tại. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp hoàn thiện kiểm tra thuế đối với DN NQD do Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới trực tiếp quản lý.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: *Cơ sở khoa học về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh*

Chương 2: *Thực trạng kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình*

Chương 3: *Định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm tra thuế tại Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình*

Chương 1:
CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH
NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH

1.1. Tổng quan về kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh

1.1.1. Khái quát về doanh nghiệp ngoài quốc doanh

- Khái niệm doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Khu vực kinh tế NQD nói đến các thành phần kinh tế phi nhà nước, trong đó, vốn đầu tư cho hoạt động SXKD của khu vực kinh tế này thuộc tư nhân. Như vậy, DN NQD bao gồm các Công ty hợp danh, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, DN tư nhân...[12]

- Đặc điểm doanh nghiệp ngoài quốc doanh

Các DN NQD đều thuộc sở hữu tư nhân. Trong hầu hết trường hợp chủ sở hữu là người quản lý và ra quyết định kinh doanh và chịu toàn bộ trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Các DN này thường nhanh nhạy trong đầu tư và có các phương án kinh doanh mạo hiểm, đôi khi xem thường pháp luật. Số lượng các DN NQD nhiều; ngành nghề kinh doanh phong phú, đa dạng. Các DN NQD có số đông người lao động là trình độ văn hóa thấp nên ý thức chấp hành pháp luật còn kém; quy mô kinh doanh của các DN NQD thường nhỏ, vốn ít, tổ chức bộ máy thường gọn nhẹ, linh hoạt. [12]

- Vai trò doanh nghiệp ngoài quốc doanh:

DN NQD đã giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người lao động; góp phần không nhỏ trong công cuộc sản xuất, tạo ra nhiều của cải cho xã hội. DN NQD có tỷ trọng đóng góp cao nhất trong GDP, chiếm khoảng 50% GDP hàng năm, đồng thời góp phần giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội. [28]

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò kiểm tra thuế

1.1.2.1. Khái niệm kiểm tra thuế

Kiểm tra thuế là việc CQT tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu trong hồ sơ thuế nhằm đánh giá sự tuân thủ pháp luật về thuế của NNT.[13]. Hoạt động quản lý Nhà nước chính là sự tác động có định hướng của chủ thể quản lý -CQT tới các đối tượng quản lý - đối tượng nộp thuế (ĐTNT) nhằm đạt được mục tiêu động viên một phần thu nhập quốc dân vào NSNN. Do vậy, kiểm tra thuế chính là một công đoạn và là một yếu tố cấu thành của hoạt động lãnh đạo quản lý Nhà nước của CQT. Hoạt động quản lý của CQT bao gồm từ việc xây dựng các mục tiêu kế hoạch trong giai đoạn nhất định đến việc tổ chức để thực hiện các mục tiêu kế hoạch đó và sau cùng là tiến hành kiểm tra thuế, việc thực hiện đó như thế nào để từ đó tác động ngược trở lại từ khâu xác định chủ trương kế hoạch có hợp lý hay không nhằm đảm bảo cho hoạt động của CQT đạt được hiệu quả cao. Như vậy có thể thấy, kiểm tra thuế là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện ngăn ngừa vi phạm, giúp NNT nhận thấy luôn có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của họ. Bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai tự nộp thuế của NNT, CQT thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế.

1.1.2.2. Đặc điểm kiểm tra thuế

Phạm vi kiểm tra thuế là khá rộng; đối tượng kiểm tra thuế rất đa dạng, trên mọi lĩnh vực của ngành kinh tế.

Kiểm tra thuế là công việc rất khó khăn phức tạp vì ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của đối tượng được kiểm tra thuế. ĐTNT thường xuyên tìm mọi cách nhằm trốn thuế, lách và tránh thuế, gây khó khăn cho CQT trong kiểm tra thuế

Kiểm tra thuế đòi hỏi cao về năng lực, chuyên môn và phẩm chất đạo đức của công chức thuế.

1.1.2.3. Vai trò kiểm tra thuế

Kiểm tra thuế có một số vai trò cơ bản sau:

- Kiểm tra thuế là phương tiện phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm nảy sinh trong hoạt động QLT.

- Với chức năng là công cụ thực hiện quản lý nhà nước kiểm tra thuế chính là việc xem xét tại chỗ việc làm của các tổ chức, cơ quan và các cá nhân có thực hiện đúng quy định của chính sách, pháp luật về thuế không? Qua đó thực hiện các biện pháp chế tài bằng mệnh lệnh hoặc các quyết định hành chính nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật của ĐTNT.

- Kiểm tra thuế đã góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về thuế.

Hệ thống thuế ở nước ta hiện nay bao gồm nhiều sắc thuế khác nhau. Mỗi sắc thuế điều tiết đến một số đối tượng xã hội nhất định và có những phương pháp quản lý thu khác nhau. Về cơ bản, khi mỗi sắc thuế được ban hành đều đã được nghiên cứu kỹ và chuẩn bị chu đáo nhưng do đặc điểm nền kinh tế nước ta đang trong thời kỳ chuyển đổi từ hành chính, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên không tránh khỏi những khiếm khuyết, bất cập. Chính vì vậy, kiểm tra thuế là nơi cung cấp các căn cứ, các bằng chứng cụ thể phản ánh một cách chân thực, sống động các hoạt động diễn ra trong thực tế, để phục vụ cho việc hoàn thiện, bổ sung các chính sách cho phù hợp.

Thực tế cho thấy, không có hệ thống pháp luật nào có thể đảm bảo là không có khiếm khuyết. Đây chính là nguyên nhân để các đối tượng cố tình lách luật để trục lợi cá nhân do đó kiểm tra phải phát hiện hành vi tham nhũng, tiêu cực để ngăn chặn kịp thời.

- Kiểm tra thuế có vai trò quan trọng trong việc cải cách thủ tục hành chính cả về quy chế và tổ chức thực hiện, giảm đến mức tối đa các thủ tục, quy chế không cần thiết gây phiền hà cho DN, tiếp thu được những kiến nghị của NNT về chính sách pháp luật về thuế để kiến nghị sửa đổi hoàn thiện hơn.

1.1.3. Mục tiêu, nguyên tắc, các hình thức kiểm tra thuế

1.1.3.1. Mục tiêu kiểm tra thuế

Hoạt động kiểm tra thuế nhằm vào các mục tiêu sau:

- Tăng cường kiểm tra thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế trên cơ sở áp dụng cơ chế quản lý rủi ro nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế, chống thất thu thuế.

- Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế trong việc thực hiện kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế.

- Thực hiện cải cách hành chính trong việc kiểm tra thuế, từ đó tránh gây phiền nhiễu và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.[21]

1.1.3.2. Nguyên tắc kiểm tra thuế

- *Nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật*

Kiểm tra thuế là kiểm tra việc thực hiện pháp luật nên phải tuân thủ pháp luật. Đây cũng là nguyên tắc cần thiết để đề cao trách nhiệm của chủ thể kiểm tra; nâng cao hiệu lực của kiểm tra thuế nhằm chặn tình trạng làm trái pháp luật.

Thực hiện đúng nguyên tắc này có nghĩa là các CQT và công chức kiểm tra thuế phải thực hiện đúng chức năng, trách nhiệm, quyền hạn mà pháp luật quy định; xem xét sự đúng, sai của các đối tượng được kiểm tra phải căn cứ vào quy định của pháp luật, không tuân theo ý kiến của bất kỳ một cơ quan hoặc cá nhân nào.

Kết luận kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Nguyên tắc trung thực, chính xác, khách quan

Tính trung thực, chính xác, khách quan là vấn đề có tính nguyên tắc cao trong kiểm tra, đánh giá đúng thực trạng của đối tượng kiểm tra, xử lý đúng người, đúng việc, đúng pháp luật.

Nguyên tắc khách quan và chính xác đòi hỏi trong hoạt động kiểm tra phải tôn trọng sự thực, đánh giá sự vật hiện tượng nghiêm túc, không suy diễn hay quy chụp một cách chủ quan, phải tiến hành công việc một cách thận trọng.

Nguyên tắc trung thực đòi hỏi trong hoạt động kiểm tra phải phản ánh và đánh giá đúng bản chất của sự vật, hiện tượng; vô tư; không thiên lệch; không vì quyền lợi cá nhân; phải tỉ mỉ, cẩn thận và phải có kiến thức chuyên môn vững vàng, hiểu biết sâu rộng và sâu sát thực tiễn.

- Nguyên tắc công khai dân chủ

Tính công khai trong kiểm tra thuế tức là phải thực hiện nghiêm túc, việc công khai bao gồm nhiều vấn đề cụ thể như: công khai quyết định kiểm tra, tiếp xúc công khai với các đối tượng có liên quan và công khai kết luận kiểm tra. Tuy nhiên, tùy trường hợp cụ thể mà xác định phạm vi công khai và hình thức công khai cho phù hợp để đảm bảo giữ gìn bí mật quốc gia, bí mật người tố cáo, đảm bảo lợi ích của nhà nước và công dân, đảm bảo hiệu quả kiểm tra cao nhất.

Dân chủ trong hoạt động kiểm tra nhằm lôi cuốn sự tham gia đồng đảo của quần chúng nhân dân, sử dụng quần chúng như là những tai mắt của lực lượng kiểm tra. Tiếp nhận thu thập ý kiến của mọi đối tượng có liên quan, tạo điều kiện cho đối tượng kiểm tra được trình bày ý kiến của mình, nhất là khi giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Nguyên tắc bảo vệ bí mật

Cần quán triệt nguyên tắc này trong kiểm tra thuế là vì trong quá trình kiểm tra người làm công tác này tiếp cận với nhiều vấn đề, nhiều tài liệu liên quan đến bí mật, bí quyết kinh doanh của DN, bí mật quốc gia. Nếu để lộ thông tin cho những đối tượng không được phép biết sẽ làm thiệt hại lợi ích của quốc gia và các DN. Do vậy, họ chỉ được báo cáo cho những người có thẩm quyền biết.

- Nguyên tắc hiệu quả

Đảm bảo cho kiểm tra thuế đạt được mục đích của nó. Nguyên tắc này đòi hỏi kiểm tra thuế phải đảm bảo tính hiệu quả, nghĩa là phải có tác dụng đề phòng, ngăn ngừa những thiếu sót, vi phạm, phải đảm bảo giúp các đối tượng kiểm tra thực hiện đúng chính sách thuế.[13] [14]

1.1.3.5. Các hình thức kiểm tra thuế

- Kiểm tra theo tính kế hoạch

Có hai hình thức kiểm tra thuế theo kế hoạch:

+ Kiểm tra thuế theo kế hoạch được tiến hành theo kế hoạch đã được phê duyệt. Căn cứ vào nguồn lực hiện có, tình hình chấp hành pháp luật thuế trên địa bàn và mục tiêu QLT, CQT xây dựng kế hoạch kiểm tra và trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra thuế được phê duyệt.

+ Kiểm tra thuế đột xuất được tiến hành khi khi CQT phát hiện ĐTNNT có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

- Kiểm tra theo nội dung và phạm vi kiểm tra thuế

Nếu xét theo nội dung và phạm vi, hoạt động kiểm tra thuế có hai hình thức là kiểm tra toàn diện và kiểm tra hạn chế:

+ Kiểm tra toàn diện là loại hình kiểm tra tổng hợp, toàn diện tình hình tuân thủ pháp luật thuế của ĐTNNT. Kiểm tra toàn diện được tiến

hành một cách đồng bộ đối với tất cả các sắc thuế như: TNDN, GTGT, TTĐB, TNCN và các loại thuế, phí khác trong kỳ kê khai thuế.

+ Kiểm tra hạn chế là kiểm tra trong phạm vi hẹp, gồm:

* Kiểm tra một sắc thuế (GTGT, TNDN, TTĐB ...), một hoặc một số kỳ tính thuế.

* Kiểm tra hồ sơ hoàn thuế, kiểm tra dự án về hạng mục chi phí hoặc một chỉ tiêu sắc thuế khi phát hiện có nghi vấn.

* Kiểm tra doanh thu tính thuế, giá vốn hàng bán, chi phí khấu hao, chi phí tiền lương ...

- *Kiểm tra theo địa điểm tiến hành kiểm tra thuế*

Nếu xét theo địa điểm tiến hành kiểm tra thuế thì hoạt động kiểm tra thuế có hai hình thức là kiểm tra tại trụ sở CQT (kiểm tra tại bàn) và kiểm tra tại trụ sở NNT.

+ Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế: Là công việc thường xuyên của các công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác các thông tin trong hồ sơ khai thuế. Việc kiểm tra tại bàn có thể áp dụng đối với bất kỳ tờ khai thuế nào, bao gồm kiểm tra số học các chỉ tiêu doanh thu, thu nhập, chi phí. Kiểm tra tại bàn phạm vi kiểm tra thường hạn chế chỉ để xác minh một số vấn đề cụ thể đã được công chức rà soát tờ khai lưu ý hoặc được lưu chuyển qua các khâu (xử lý trước đó).

Kiểm tra tại bàn thực hiện đối chiếu chéo những thông tin kê khai trong tờ khai cụ thể, xác minh các phép tính về trừ chi phí sử dụng vốn và kiểm tra chéo dữ liệu thông qua việc yêu cầu ĐTNT mang đến và xuất trình sổ sách, chứng từ mua vào, bán ra tại CQT. Thông thường, kiểm tra tại bàn đối với ĐTNT lớn hoàn tất trong 01 ngày, đối với ĐTNT vừa là 1/2 ngày. Kiểm tra tại bàn bao gồm:

* Một sắc thuế hoặc một chỉ tiêu: Chỉ kiểm tra hoặc xác minh một sắc thuế như thuế GTGT, thuế Tài nguyên ... Kiểm tra tại bàn cũng được áp dụng để kiểm tra một hạng mục chi phí hoặc chỉ tiêu nào đó trên tờ khai.

* Một kỳ tính thuế.

* Phạm vi hạn chế hoặc hẹp: Đối chiếu chéo những thông tin kê khai trong tờ khai cụ thể, xác minh các phép tính về trừ chi phí sử dụng vốn và kiểm tra chéo dữ liệu thông qua việc yêu cầu ĐTNT mang đến, xuất trình sổ sách, chứng từ mua vào, bán ra tại CQT.

* Nhóm ĐTNT trọng điểm, nhóm ĐTNT lớn và vừa.

+ Kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế: Là việc CQT thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở NNT trong trường hợp hết thời hạn theo thông báo của CQT mà NNT không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu được hoặc không khai bổ sung hồ sơ thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế không đúng. Kiểm tra thuế tại trụ sở NNT là một công cụ chủ yếu trong chương trình kiểm tra của CQT. Thời gian cần thiết để thực hiện công việc này là từ 03 ngày cho đến 10 ngày tùy thuộc bản chất của cuộc kiểm tra, quy mô và tính phức tạp của hoạt động của ĐTNT. Kiểm tra tại trụ sở NNT thường là việc kiểm tra chi tiết nhưng cũng có lúc chỉ là việc kiểm tra một phần sổ sách kế toán thông thường của ĐTNT ngay tại trụ sở làm việc của ĐTNT. Kiểm tra tại trụ sở NNT được tiến hành bởi một đoàn kiểm tra theo quyết định của Thủ trưởng CQT, đoàn kiểm tra thường sử dụng từ 03 công chức kiểm tra trở lên.

Đặc điểm của kiểm tra tại cơ sở của ĐTNT:

* Kiểm tra và sử dụng các kỹ thuật kiểm tra đối với những chứng từ kế toán được ĐTNT lưu giữ.

* Trao đổi với ĐTNT.

* Quan sát đánh giá.

* Có thể yêu cầu ĐTNT đang được kiểm tra cung cấp thông tin.

* Có thể yêu cầu thông tin từ bên thứ ba.

1.1.4. Nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kiểm tra thuế

Trong quá trình triển khai thực hiện, kết quả kiểm tra của CQT có 2 nhóm nhân tố ảnh hưởng nhiều nhân tố tác động đến, cả khách quan và chủ quan. Cụ thể là:

1.1.4.1. Nhân tố chủ quan

Các nhân tố chủ quan là các nhân tố thuộc về CQT, chủ yếu là các nhân tố sau đây:

+ *Số lượng, chất lượng của người làm nhiệm vụ kiểm tra thuế*: Con người là nhân tố quyết định đến sự thành bại của mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Con người là nhân tố trung tâm của mọi hệ thống quản lý. Lĩnh vực kiểm tra thuế cũng không phải là ngoại lệ. Trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của công chức kiểm tra thuế càng cao thì chất lượng cuộc kiểm tra càng tốt và ngược lại. Về đạo đức nghề nghiệp và tác phong làm việc của công chức thuế nói chung và các công chức làm kiểm tra thuế nói riêng phải thực hiện tốt 10 điều kỷ luật của ngành, quy định về những điều cần xây – cần chống nhằm tạo lòng tin đối với NNT.

+ *Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế*: Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế là một trong những yếu tố quan trọng và là một nhiệm vụ hết sức nặng nề. Trong đó phải có sự phối kết hợp giữa việc phân tích rủi ro từ hệ thống TPR và kinh nghiệm của công chức thuế để đảm bảo việc lập kế hoạch được chính xác. Đối với các DN NQD thì công tác lập kế hoạch giúp lựa chọn đúng đối tượng, thời điểm tiến hành kiểm tra thuế. Việc chuẩn bị kiểm tra thuế càng kỹ lưỡng giúp cho kiểm tra đi vào nề nếp, ổn định và đạt kế hoạch đặt ra nhằm tăng thu cho NSNN.

+ *Hệ thống cơ sở dữ liệu và việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho việc khai thác, phân tích thông tin về người nộp thuế*: Trong kiểm tra thuế, thông tin là cơ sở để lựa chọn đúng đối tượng kiểm tra; là cơ sở để lựa

chọn phương pháp và phạm vi, trọng tâm tiến hành kiểm tra; là cơ sở để xác định có hay không hành vi vi phạm pháp luật thuế của đối tượng kiểm tra. Cơ sở dữ liệu thông tin càng đầy đủ, chính xác và kịp thời thì hiệu quả kiểm tra thuế càng cao.

Trong những năm qua, ngành thuế đã phát triển và nâng cấp kịp thời hệ thống ứng dụng tin học nhằm đáp ứng kịp thời khả năng khai thác, cung cấp kịp thời các thông tin phục vụ kiểm tra thuế.

+ *Sự phối hợp giữa các đội thuế, giữa cơ quan thuế với các cơ quan hữu quan*: Sự phối hợp giữa các đội thuế nhằm phát hiện các DN có hành vi vi phạm pháp luật về thuế kịp thời, nâng cao ý thức, hiểu biết của NNT trong việc chấp hành pháp luật thuế. Sự phối hợp giữa CQT và các cơ quan hữu quan sẽ giúp công tác thực thi nhiệm vụ kiểm tra được chính xác, nâng cao tính pháp lý của kết quả kiểm tra, sớm ngăn ngừa và xử phạt các trường hợp vi phạm nằm trong thẩm quyền xử lý và chuyển hồ sơ cho các cơ quan chức năng nếu ngoài thẩm quyền.

1.1.4.2. Nhân tố khách quan

+ *Mức độ hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về thuế nói riêng*: Pháp luật càng hoàn thiện thì càng tạo ra một cơ sở pháp lý rõ ràng, đầy đủ, vững chắc làm cho hoạt động kiểm tra thuế được thuận lợi. Pháp luật thiếu minh bạch thì cơ sở xác định sai phạm không vững chắc nên có thể gây những tranh luận không có hồi kết về mức độ đúng, sai trong hành vi của NNT và của CQT.

+ *Cơ chế và chính sách*: Cơ chế và chính sách là yếu tố quan trọng chi phối hoạt động kiểm tra thuế trong suốt quá trình thực hiện pháp luật thuế. Hoạt động kiểm tra thuế nói chung và hoạt động kiểm tra thuế đối với các DN NQD nói riêng được thực hiện đúng mục đích, đúng đối tượng, dễ áp dụng thực hiện theo quy trình nên hiệu quả kiểm tra được nâng cao.

+ *Trình độ và ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế*: Công tác kiểm tra tại CQT và trụ sở NNT đối với các DN NQD hiện nay còn nhiều tồn tại, đặc biệt là các doanh nghiệp NQD có quy mô vừa và nhỏ và hầu hết chưa tổ chức được bộ máy kế toán tốt, ý thức tuân thủ pháp luật về thuế không cao.

+ *Sự phối hợp của các cơ quan nhà nước có liên quan*: Công tác phối hợp cũng đã được đặt ra khi triển khai nhiệm vụ kiểm tra thuế, đây là một trong những kênh thông tin mang tính khách quan được CQT thu thập để phân tích, đánh giá việc chấp hành pháp luật về thuế của NNT.

Để hoạt động kiểm tra thuế phát huy hiệu quả, CQT cần sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước như: Cơ quan công an, quản lý thị trường, kho bạc... Hoạt động phối hợp có ý nghĩa quan trọng trong xác định thông tin về hoạt động kinh doanh và tình hình chấp hành pháp luật thuế của NNT. Do đó, nếu các cơ quan khác có sự phối hợp tốt thì giúp cho hoạt động kiểm tra thuế được thuận lợi.

+ *Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc của cơ quan thuế*: Sự đầu tư của nhà nước về cơ sở vật chất và phương tiện làm việc có tác động không nhỏ đến hiệu quả và chất lượng của kiểm tra thuế. Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc hiện đại giúp nâng cao hiệu suất làm việc của công chức kiểm tra thuế.

+ *Chế độ đãi ngộ đối với người làm nhiệm vụ kiểm tra thuế*: Chế độ đãi ngộ đối với công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế nằm trong tổng thể chế độ tiền lương và thu nhập của công chức. Một chế độ đãi ngộ thỏa đáng sẽ tạo động lực làm việc tốt cho mỗi công chức nói chung và mỗi công chức bộ phận kiểm tra thuế nói riêng. Chế độ đãi ngộ thỏa đáng, đảm bảo đời sống của công chức sẽ góp phần giảm động cơ tham nhũng.

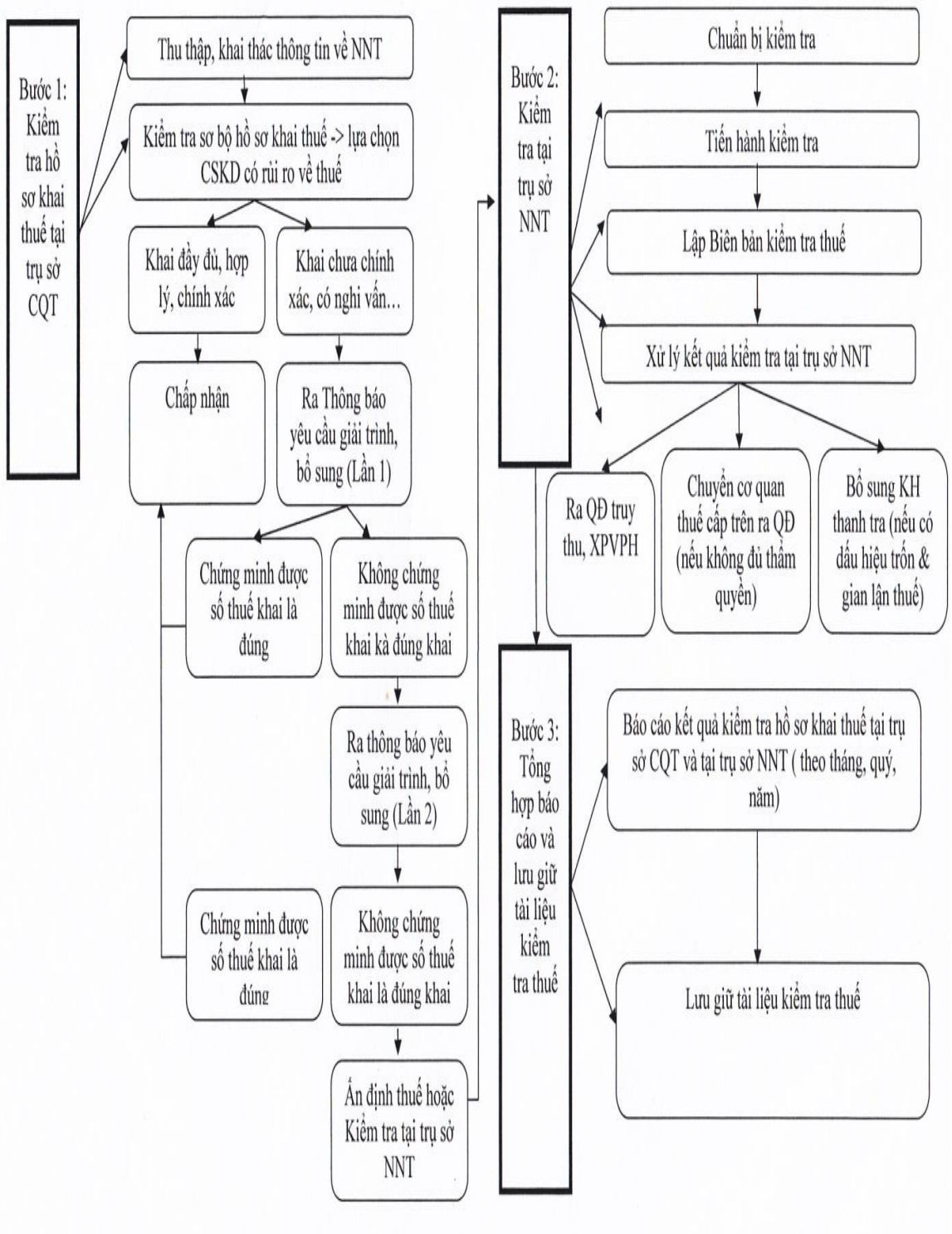
Sự ảnh hưởng của mỗi nhân tố đều có tác động hai mặt, cả tích cực và hạn chế. Chính vì vậy, CQT phải có các biện pháp, giải pháp hạn chế các ảnh

hưởng tiêu cực, phát huy tác dụng tích cực để nâng cao hiệu quả, chất lượng của kiểm tra thuế.

1.2. Nội dung quy trình kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh

1.2.1. Khái niệm quy trình kiểm tra thuế

Quy trình kiểm tra thuế là trình tự và các bước công việc và thời gian thực hiện cụ thể, lô-gic và chặt chẽ, bắt buộc công chức thuế phải tuân thủ khi thực hiện kiểm tra thuế. Để cụ thể hoá các quy định về kiểm tra thuế theo quy định của Luật QLT, từ năm 2015 CQT các cấp tại Việt Nam đang thực hiện kiểm tra thuế theo Quy trình kiểm tra thuế được ban hành theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế thay thế quy trình kiểm tra theo quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29/05/2008.



Sơ đồ 1.1. Quy trình kiểm tra thuế

1.2.2. Quy trình kiểm tra thuế

Nội dung quy trình kiểm tra thuế theo quyết định số 746/QĐ-TCT tác giả tóm gọn như sau:

1.2.2.1. Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế

Quy trình kiểm tra theo Quyết định số 746/QĐ-TCT bổ sung một số yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin đối với công chức kiểm tra hồ sơ khai thuế đảm bảo với yêu cầu quản lý rủi ro trong kiểm tra thuế mà Quyết định 528/QĐ-TCT không quy định.

** Cập nhật dữ liệu, thông tin vào các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho kiểm tra*

- Bộ phận kiểm tra, công chức làm nhiệm vụ kiểm tra và bộ phận có liên quan cập nhật kịp thời, đầy đủ các thông tin, dữ liệu của NNT vào ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR); ứng dụng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế (TPR)... hệ thống dữ liệu của ngành.

- Bộ phận kiểm tra thuế và công chức kiểm tra thuế sử dụng dữ liệu kê khai thuế của NNT và những dữ liệu thông tin của NNT đã được cập nhật vào hệ thống dữ liệu của ngành để phục vụ cho việc kiểm tra các hồ sơ khai thuế NNT gửi đến CQT.

Như vậy, Quyết định 746/QĐ-TCT đã bổ sung quy định cập nhật dữ liệu, thông tin vào các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra thuế. Quyết định 528/QĐ-TCT chỉ quy định thu thập, khai thác thông tin để phục vụ cho kiểm tra, còn quy định mới nêu trên phục vụ cho hiện đại hóa kiểm tra thuế, tiến tới áp dụng các phần mềm tin học vào công tác kiểm tra thuế.

** Thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế*

- Thực hiện kiểm tra bằng phương pháp thủ công

Lựa chọn danh sách NNT để kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT tối thiểu là 20% số lượng DN hoạt động đang QLT như sau: từ 15% số lượng

NNT trở lên lựa chọn bằng ứng dụng lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro (TPR); từ 5 % số lượng NNT trở lên lựa chọn qua thực tiễn QLT tại địa phương có rủi ro cao, có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp.

Như vậy, Quyết định 746/QĐ-TCT đã bổ sung việc lựa chọn danh sách NNT để kiểm tra hồ sơ khai thuế bằng ứng dụng phần mềm quản lý rủi ro TPR và qua thực tiễn quản lý có rủi ro cao về thuế. Quyết định 528/QĐ-TCT yêu cầu kiểm tra sơ bộ tất cả hồ sơ khai thuế và lựa chọn danh sách NNT phải kiểm tra hồ sơ khai thuế.

Danh sách này không trùng lặp với danh sách kế hoạch thanh tra và kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra. Danh sách này phải được trưởng bộ phận kiểm tra trình Thủ trưởng CQT trước ngày 20 tháng 12 hàng năm và Thủ trưởng CQT phê duyệt trước ngày 30 tháng 12 năm hàng năm.

Chậm nhất là 25 ngày sau ngày kết thúc hạn nộp hồ sơ khai thuế, công chức kiểm tra thuế có trách nhiệm kiểm tra tất cả các loại hồ sơ khai thuế.

Kiểm tra các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số tiền hoàn thuế... theo phương pháp đối chiếu, so sánh như : đối chiếu với các quy định của các văn bản pháp luật về thuế; đối chiếu các chỉ tiêu trong tờ khai thuế với các tài liệu kèm theo (nếu có); đối chiếu với các dữ liệu của NNT có quy mô, ngành nghề kinh doanh tương đương.

- Kết thúc kiểm tra mỗi hồ sơ khai thuế, công chức kiểm tra thuế phải nhận xét hồ sơ khai thuế:

+ Đối với các hồ sơ khai thuế khai đầy đủ chỉ tiêu; chưa phát hiện dấu hiệu rủi ro thì bản nhận xét hồ sơ khai thuế được lưu lại cùng với hồ sơ khai thuế.

+ Đối với các hồ sơ khai thuế có nội dung khai chưa đúng, không chính xác hoặc có những nội dung cần xác minh liên quan đến số tiền thuế phải nộp,

số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn... công chức kiểm tra thuế phải báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình Thủ trưởng CQT ra thông báo bằng văn bản đề nghị NNT giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu.

- Thực hiện kiểm tra bằng phần mềm ứng dụng

Quyết định 528/QĐ- TCT chỉ quy định kiểm tra thuế bằng phương pháp thủ công.

Kiểm tra các căn cứ tính thuế liên quan đến việc xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số tiền hoàn thuế.

Chậm nhất là 25 ngày sau ngày kết thúc hạn nộp hồ sơ khai thuế, công chức kiểm tra sử dụng phần mềm ứng dụng kiểm tra hồ sơ khai thuế để kiểm tra gán điểm, cảnh báo, nhận xét cho từng tiêu chí; đồng thời ứng dụng sắp xếp NNT theo mức độ rủi ro tổng thể của toàn bộ tiêu chí theo thứ tự từ rủi ro cao đến rủi ro thấp.

Công chức kiểm tra in danh sách NNT sắp xếp theo mức độ rủi ro và in nhận xét, cảnh báo rủi ro đối với từng NNT trên hệ thống:

+ Đối với người nộp thuế (hồ sơ khai thuế) chưa phát hiện hiện rủi ro thì công chức kiểm tra in danh sách NNT chưa có rủi ro từ hệ thống và trình trưởng bộ phận kiểm tra ký duyệt để lưu hồ sơ kiểm tra.

+ Đối với người nộp thuế (hồ sơ khai thuế) có rủi ro thấp thì công chức kiểm tra in nhận xét hồ sơ khai thuế để trình trưởng bộ phận kiểm tra ký lưu hồ sơ mà không phải ban hành thông báo.

+ Đối với người nộp thuế (hồ sơ khai thuế) có rủi ro cao và rủi ro vừa: công chức kiểm tra thuế in thông báo NNT theo thứ tự rủi ro cao đến rủi ro vừa để báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình thủ trưởng CQT ký thông báo đề nghị NNT giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu.

** Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế*

Thời hạn NNT phải giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu được ghi trong thông báo không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày NNT nhận thông báo của CQT hoặc hội báo (nếu gửi qua đường bưu điện).

Trường hợp NNT đã giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu chứng minh được số thuế khai là đúng thì bản giải trình, tài liệu bổ sung hoặc biên bản làm việc được chấp nhận và lưu lại cùng với hồ sơ khai thuế.

Trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu mà không đủ căn cứ chứng minh số thuế đã khai là đúng thì công chức kiểm tra báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình Thủ trưởng CQT phát hành thông báo yêu cầu người nộp thuế khai bổ sung. Thời hạn khai bổ sung là mười ngày làm việc kể từ ngày CQT có thông báo yêu cầu khai bổ sung. Hết thời hạn theo thông báo của CQT mà NNT không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu; hoặc không khai bổ sung hồ sơ thuế; hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng thì CQT quyết định ấn định số thuế phải nộp hoặc quyết định kiểm tra tại trụ sở của NNT trong trường hợp không đủ căn cứ để ấn định số thuế phải nộp. Như vậy, Quyết định 746/QĐ-TCT đã bỏ thông báo yêu cầu NNT giải trình thông tin, tài liệu lần 2 cho phù hợp với quy định tại Thông tư 156/2013/TT- BTC.

1.2.2.2. Kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế

Quyết định 746/QĐ-TCT đã bổ sung thêm 4 trường hợp đó là kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm; kiểm tra hoàn thuế; kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề; và kiểm tra giải thể, sáp nhập, hợp nhất... Quyết định 528/QĐ-TCT chỉ quy định cho trường hợp kiểm tra từ hồ sơ khai thuế.

** Lập kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra*

Người nộp thuế đưa vào kế hoạch kiểm tra được lựa chọn như sau:

- Lựa chọn trên phần mềm ứng dụng TPR: Đạt từ 80% - 85% số lượng NNT thuộc danh sách NNT sắp xếp theo mức độ rủi ro trên ứng dụng phân tích rủi ro (TPR) của Tổng cục Thuế sau khi đã lựa chọn đưa vào kế hoạch thanh tra thuế; việc lựa chọn NNT đưa vào kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra phải thực hiện rà soát, chọn lọc và loại trừ những NNT có rủi ro thấp, đồng thời bổ sung NNT có rủi ro cao phù hợp với tiêu chí rủi ro về thuế tại địa phương.

- Lựa chọn NNT từ thực tiễn QLT tại địa phương: Đạt 15% – 20% số lượng NNT có rủi ro cao, có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp qua thực tiễn QLT tại địa phương.

Quyết định 528/QĐ-TCT không quy định lập kế hoạch kiểm tra, chuyên đề kiểm tra tại trụ sở NNT.

Số lượng người nộp thuế đưa vào kế hoạch, chuyên đề hàng năm phải đạt tối thiểu 60% số người nộp thuế được giao nhiệm vụ kiểm tra hàng năm

Kế hoạch kiểm tra hàng năm phải cân đối trên cơ sở nguồn nhân lực của hoạt động kiểm tra; số lượng thực tế NNT và tình hình thực tế trên địa bàn quản lý, để xác định danh sách các đối tượng cần kiểm tra.

Cục Thuế lập danh sách NNT thuộc kế hoạch kiểm tra của mình gửi đến Tổng cục Thuế chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm. Tổng cục trưởng phê duyệt kế hoạch kiểm tra của Cục Thuế trước ngày 15 tháng 12 hàng năm. Chi cục Thuế lập danh sách NNT thuộc kế hoạch kiểm tra gửi đến Cục Thuế trước ngày 05 tháng 12 hàng năm. Cục trưởng Cục Thuế phê duyệt kế hoạch kiểm tra của Chi cục Thuế trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

** Thực hiện kiểm tra*

Quyết định kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT phải được gửi ngay cho bộ phận kê khai và kế toán thuế và gửi cho NNT chậm nhất là ba ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.

Việc kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT phải được tiến hành chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định kiểm tra thuế.

Sau khi công bố quyết định kiểm tra, các thành viên đoàn kiểm tra phải thực hiện phân công việc theo sự phân công của Trưởng đoàn kiểm tra và chịu trách nhiệm về phân công việc được giao. Kết thúc phần việc được giao, thành viên đoàn kiểm tra phải lập biên bản xác định số liệu kiểm tra với đại diện NNT.

Thời hạn kiểm tra tại trụ sở của NNT không quá 5 ngày làm việc thực tế kể từ ngày bắt đầu công bố quyết định kiểm tra. Trong trường hợp xét thấy cần phải kéo dài thời gian thì chậm nhất là trước một ngày kết thúc thời hạn kiểm tra, trưởng đoàn kiểm tra phải báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình Thủ trưởng CQT để có quyết định bổ sung thời hạn kiểm tra. Trong thời gian kiểm tra tại trụ sở NNT phát sinh trường hợp bất khả kháng phải tạm dừng kiểm tra thì NNT phải có văn bản đề nghị nêu rõ lý do tạm dừng, thời gian tạm dừng. Theo đó, trưởng đoàn kiểm tra báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình Thủ trưởng CQT ban hành thông báo về việc tạm dừng kiểm tra. Thời gian tạm dừng không tính trong thời hạn kiểm tra.

Mỗi cuộc kiểm tra chỉ được bổ sung thêm thời hạn kiểm tra một lần. Thời gian bổ sung không quá 05 ngày làm việc thực tế. Trường hợp NNT không chấp hành quyết định kiểm tra thuế quá thời hạn 03 ngày làm việc hoặc từ chối, trì hoãn, trốn tránh việc cung cấp hồ sơ liên quan đến nghĩa vụ thuế quá thời hạn 06 giờ làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải công bố công khai biên bản kiểm tra trước NNT và các thành viên trong đoàn kiểm tra.

** Xử lý kết quả kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế*

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản kiểm tra thuế, Trưởng đoàn kiểm tra phải báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra để trình Thủ trưởng CQT về kết quả kiểm tra và dự thảo các quyết định xử lý về thuế hoặc kết luận kiểm tra thuế.

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản kiểm tra (trường hợp phức tạp thì trong thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc), Thủ trưởng CQT phải ban hành xử lý truy thu về thuế; xử phạt vi phạm hành chính về thuế hoặc kết luận kiểm tra thuế nếu không có truy thu thuế; xử phạt.

Trường hợp phát hiện dấu hiệu trốn thuế, gian lận về thuế thì trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra (trường hợp phức tạp thì trong thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc), trưởng đoàn kiểm tra báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình thủ trưởng CQT để ban hành quyết định xử lý sau kiểm tra, hoặc chuyển hồ sơ sang bộ phận thanh tra hoặc xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Quyết định xử lý vi phạm về thuế được giao trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xử lý vi phạm về thuế. Trường hợp giao trực tiếp, nếu NNT cố tình không nhận quyết định thì CQT lập biên bản về việc không nhận quyết định có xác nhận của chính quyền địa phương và được coi là quyết định đã được giao. Trường hợp gửi bưu điện bằng bảo đảm, sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định xử lý vi phạm đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do NNT cố tình không nhận; quyết định xử lý vi phạm đã được niêm yết tại nơi cư trú của NNT bị xử phạt hoặc có căn cứ cho rằng người vi phạm trốn tránh không nhận quyết định xử phạt thì được coi là quyết định đã được giao.

Trường hợp qua kiểm tra thuế mà phát hiện hành vi trốn thuế có dấu hiệu

tội phạm thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình Thủ trưởng CQT chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để điều tra theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

** Giám sát kết quả sau kiểm tra*

Bộ phận kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với bộ phận Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo dõi và đôn đốc việc thực hiện nộp các khoản thuế truy thu, truy hoàn, tiền phạt theo kết quả kiểm tra vào NSNN đúng quy định trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp vào NSNN các khoản kiến nghị qua kiểm tra ghi trên quyết định xử lý vi phạm về thuế. Quyết định 528/QĐ-TCT không quy định.

1.2.2.3. Tổng hợp báo cáo và lưu giữ tài liệu kiểm tra thuế

- Nhập dữ liệu vào hệ thống

Lãnh đạo bộ phận kiểm tra có trách nhiệm chỉ đạo Bộ phận kiểm tra nhập toàn bộ dữ liệu về kiểm tra bao gồm: kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT; kiểm tra tại trụ sở NNT vào Hệ thống hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR). Việc nhập dữ liệu kiểm tra vào Hệ thống hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR) phải đảm bảo yêu cầu về thời gian phục vụ công tác báo cáo kết quả kiểm tra đột xuất và định kỳ theo quy định. Trưởng đoàn kiểm tra tại DN chịu trách nhiệm về tính kịp thời, tính đầy đủ và tính chính xác của tình hình và số liệu NNT được kiểm tra nhập vào hệ thống TTR.

- Tổng hợp báo cáo

Quyết định 746/QĐ-TCT đã bổ sung quy định báo cáo kết quả kiểm tra bằng phương thức điện tử đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa kiểm tra thuế qua ứng dụng TTR.

Ngoài việc phải thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, định kỳ hàng tháng, năm, bộ phận kiểm tra tại CQT các cấp

phải rà soát kết quả thực hiện kiểm tra thuế trên ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR); đồng thời báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra trình thủ trưởng CQT cùng cấp ký. Trong thời gian ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR) đang được nâng cấp, báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra được lập và gửi CQT cấp trên trực tiếp. Cụ thể:

+ Báo cáo hàng tháng: Chi cục Thuế báo cáo Cục Thuế trước ngày 05 của tháng sau tháng báo cáo; Cục Thuế báo cáo Tổng cục Thuế trước ngày 10 của tháng sau tháng báo cáo.

+ Báo cáo năm: Chi cục Thuế báo cáo Cục Thuế trước ngày 15 của tháng đầu năm sau; Cục Thuế báo cáo Tổng cục Thuế trước ngày 20 của tháng đầu năm sau.

+ Báo cáo bằng văn bản phải đồng nhất với báo cáo được in ra từ ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR).

- Lưu giữ tài liệu

Quyết định 746/QĐ-TCT đã bổ sung quy định lưu trữ hồ sơ kiểm tra cho bộ phận, người được giao nhiệm vụ nhằm đảm bảo lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của văn thư, lưu trữ.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký quyết định xử lý vi phạm pháp luật thuế, hoặc kết luận kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm bàn giao hồ sơ cuộc kiểm tra cho bộ phận, người được giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan.

Hồ sơ, tài liệu bàn giao phải được lập thành biên bản, lưu cùng hồ sơ cuộc kiểm tra.

Hồ sơ kiểm tra thuế được lưu giữ tại CQT theo thời hạn sau:

+ Đối với hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở CQT; hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT được lưu giữ trong thời hạn là 5 năm, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

+ Đối với các báo cáo tổng hợp được lưu giữ tại CQT trong thời hạn là 5 năm kể từ năm báo cáo.

1.3. Kinh nghiệm kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở một số quốc gia; một số địa phương trong nước và bài học kinh nghiệm rút ra cho Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

1.3.1. Kinh nghiệm kiểm tra thuế ở một số nước trên thế giới

1.3.1.1. Các nước thuộc tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD)

CQT sẽ lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro. Theo đó, yêu cầu cơ bản là việc tiếp cận các dữ liệu từ hồ sơ khai thuế do DN nộp CQT trong một thời gian đủ dài nhất định. Các dữ liệu này được nhằm xác định những dấu hiệu không tuân thủ kể cả bằng cách tính điểm rủi ro hay bằng cách dựa vào các giao dịch có dấu hiệu không tuân thủ (thông qua việc rà soát tổng thể hoặc bằng kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế). Bên cạnh nguồn dữ liệu này CQT cần thêm một nguồn dữ liệu có vai trò đặc biệt quan trọng là các thông tin từ bên thứ ba để có thể xác nhận các thông tin kê khai của DN cũng như hồ sơ kinh tế ngành. Tuy nhiên, để bổ sung dữ liệu một cách tốt nhất cần bổ sung dữ liệu sẵn có bằng những đánh giá về tình hình tuân thủ của DN đó từ trước đến thời điểm thanh tra, kiểm tra. Tương tự như vậy, dữ liệu sẽ phát huy giá trị cao hơn nếu được gắn với các số liệu của những DN trong điều kiện kinh doanh tương đồng. Đi liền với đó, cần tiếp cận dữ liệu từ nhiều nguồn; linh hoạt trong việc liên hệ các dữ liệu khi phương pháp quản lý rủi ro tuân thủ thay đổi và sử dụng các dữ liệu nhằm xác định và xử lý rủi ro trong toàn hệ thống.

Kỹ thuật phân tích dữ liệu thông thường bao gồm 3 phương pháp cơ bản:

Thứ nhất là, phương pháp tính điểm rủi ro tự động. Theo đó, cần xây dựng hệ thống kỹ thuật lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế trên cơ sở quy tắc cho phép xử lý và đánh giá rủi ro toàn diện các dữ liệu trên hồ sơ khai

thuế, từ đó xếp loại kết quả dựa vào mức độ rủi ro không tuân thủ. Hệ thống này là công cụ cần thiết để có thể loại trừ các hồ sơ khai thuế không có hoặc có rủi ro thấp và cho phép tập trung nguồn lực xác định rủi ro vào các hồ sơ được xác định có rủi ro cao.

Thứ hai là, sàng lọc thủ công là phương pháp truyền thống để lựa chọn hồ sơ các trường hợp cần thanh tra, kiểm tra thuế. Phương pháp này được áp dụng khi chưa có hoặc ít có sự hỗ trợ về tin học, ít dữ liệu sẵn có và các kỹ thuật quản lý rủi ro tuân thủ ở cấp độ chiến lược còn chưa phát triển, áp dụng phương pháp này có thể sử dụng tối đa kiến thức thực tế, ít gây trở ngại cho công chức xử lý hồ sơ, có thể sử dụng để đối phó với những rủi ro đã được xác định một cách cụ thể và có thể thực hiện được mà không cần hỗ trợ về tin học.

Thứ ba là, dựa trên kết quả phân tích thống kê. Khi sử dụng các biện pháp này đòi hỏi phải có sự đầu tư đáng kể vào công nghệ thông tin, cả phần cứng và phần mềm, đồng thời cần thu thập những dữ liệu chính xác mà các chương trình công nghệ thông tin có thể phân tích được.

1.3.1.2. Kiểm tra thuế ở Canada

Ở Canada, cơ quan thuế vụ (CRA) có nhiệm vụ thi hành pháp luật thuế trên toàn lãnh thổ nước này. Hệ thống thuế Canada được tổ chức hoạt động theo phương thức tự đánh giá. Để tránh hành vi gian lận thuế, CRA đã đưa ra quy trình kiểm tra và thanh tra thuế khá chặt chẽ và nghiêm ngặt thông qua kiểm toán bàn và kiểm toán lĩnh vực:

- Kiểm toán bàn: Đây là phương pháp kiểm tra đơn giản nhất của CRA. Phương pháp này yêu cầu NNT đến cơ quan có thẩm quyền cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu để đối chiếu với tờ khai thuế.

- Kiểm toán lĩnh vực: CRA cử công chức thuế đến làm việc trực tiếp với NNT để kiểm tra hồ sơ. Quy trình kiểm tra kiểm toán lĩnh vực được diễn ra cụ

thể như sau: công chức thuế của CRA thông báo cho NNT biết trước mục đích kiểm tra để họ chủ động sắp xếp thời gian làm việc với công chức thuế. Trong quá trình làm việc, tiếp xúc với NNT, công chức thuế của CRA phải trình thẻ nhận dạng cá nhân để tránh hiện tượng giả danh công chức thuế. Đối với phạm vi kiểm tra phụ thuộc vào mức độ vi phạm của NNT để cân nhắc có nên kiểm toán mở rộng hay thu hẹp. CRA có thể kiểm tra mở rộng sổ sách của NNT thông qua hóa đơn bán hàng, hồ sơ vận chuyển và tiếp nhận, chứng từ mua hàng, tài khoản chi phí, hàng tồn kho, đầu tư, thỏa thuận, hợp đồng, sổ hện...

Ở Canada, mỗi đợt thanh tra, kiểm tra thuế mất thời gian khoảng 1 - 2 tuần, thậm chí có thể kéo dài hàng tháng tùy thuộc vào tính chất của vụ việc. Nguyên nhân của tình trạng này là do NNT không cung cấp đủ những thông tin cần thiết phục vụ cho việc thanh tra, kiểm tra. Để xử lý vấn đề này, CRA đã đưa ra các biện pháp sau:

Một là, CRA ban hành văn bản đề nghị NNT hoặc đại diện của NNT cung cấp thông tin cho CQT, từ đó, đẩy nhanh nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

Hai là, CRA yêu cầu NNT chấp hành theo Luật Thuế TNCN, Luật thuế TNDN...

Ba là, sau khi nhận được thông tin của NNT, CRA sẽ xác minh và đánh giá lại thông tin xem có chính xác hay không. NNT phải đưa ra các bằng chứng để chứng minh với CRA đó là thông tin “chuẩn” và NNT cũng có quyền bác bỏ những thông tin thanh tra, kiểm tra của CRA nếu đó là thông tin sai.

1.3.2. Kinh nghiệm kiểm tra thuế ở một số địa phương trong nước

1.3.2.1. Kiểm tra, thanh tra thuế của Cục Thuế tỉnh Nghệ An.

Tổ chức bộ máy Cục Thuế tỉnh Nghệ An cơ bản phù hợp xu hướng tổ

chức quản lý thể theo mô hình quản lý chức năng kết hợp với mô hình quản lý nhóm NNT mà Tổng Cục thuế đã và đang thực hiện.

Kết quả kiểm tra, thanh tra của Nghệ An trong những năm qua đã đạt những thành công nhất định. Đó là sự phối hợp kết hợp tốt với các ban ngành trong tỉnh, quan tâm đến nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức thực hiện kiểm tra, thanh tra. Đặc biệt là thực hiện mô hình kết hợp quản lý theo chức năng với mô hình quản lý nhóm NNT (Phân nhỏ trong từng ngành nghề kinh doanh). Bên cạnh đó Cục thuế Nghệ An đã triển khai các chương trình, biện pháp chống thất thu tại Văn phòng Cục và các Chi cục thuế theo từng mũi cụ thể để kịp thời có các giải pháp trong quản lý đó là chống thất thu thuế trong hoạt động kinh doanh vận tải trong các DN; hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ăn uống, mát xa, karaoke; trong lĩnh vực kinh doanh ô tô, xe máy; lĩnh vực khai thác đá, sử dụng vật liệu nổ.

1.3.2.2. Kiểm tra thuế của Chi cục Thuế Quận 1 thuộc Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh

Do số lượng các DN NQD do Chi cục Thuế quận 1 quản lý rất lớn với số lượng công chức còn hạn chế nên Chi cục Thuế đã phân công các đội kiểm tra thuế theo dõi các DN NQD theo ngành nghề kinh doanh đồng thời tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra theo các chuyên đề như: Chuyên đề kiểm tra về hoạt động kinh doanh vận tải, kinh doanh ăn uống, kinh doanh xây dựng, kinh doanh điện tử, điện lạnh ...

Việc kiểm tra theo chuyên đề mang lại hiệu quả cao, tăng thu cho NSNN đồng thời nâng cao ý thức chấp hành các quy định về thuế của NNT.

1.3.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế của một số quốc gia và các địa phương trong nước có thể rút ra một số bài học kinh

nghiệm hữu ích cho ngành thuế Việt Nam nói chung và Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới nói riêng

Thứ nhất, CQT cần nghiên cứu xem xét và đánh giá lại sự tuân thủ pháp luật của NNT, sự thay đổi bất thường trong việc kê khai thuế theo năm, giai đoạn cũng như hiệu quả SXKD của DN. Để tránh hiện tượng gian lận và trốn thuế của NNT, CQT cần phân loại ĐTNT theo các tiêu chí: quy mô sản xuất, doanh thu và số thuế phát sinh hàng năm.

Thứ hai, CQT cần phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi thường xuyên về sự thay đổi giữa tỷ lệ thuế TNDN và thuế GTGT phát sinh trên doanh thu (doanh thu tăng nhưng thuế phát sinh giảm đột ngột so với các năm trước, kết quả thuế không phù hợp với mục đích chính sách pháp luật thuế...)

Thứ ba, xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung về DN, hoàn thiện hệ thống các chỉ tiêu đánh giá, phân tích rủi ro phục vụ cho việc lựa chọn đối tượng kiểm tra để lập kế hoạch kiểm tra.

Thứ tư, cần tăng cường và đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách thuế cũng như nghĩa vụ tuân thủ quy trình nộp thuế của NNT, để sớm khắc phục các tình trạng như: không đăng ký mã số thuế, chậm nộp tờ khai, không khai thuế, chậm nộp thuế.

Thứ năm, bên cạnh các cuộc kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT và kiểm tra tại trụ sở NNT theo kế hoạch thì hàng năm nên lập thêm các đội chống thất thu thực hiện kiểm tra theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực.

Thứ sáu, xây dựng, hoàn thiện và trang bị các công cụ hỗ trợ cho công chức thanh tra, kiểm tra thuế như quy trình và sổ tay nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra; Các công cụ điện tử cho phép truy cập cơ sở dữ liệu và kiểm tra các hồ sơ khai thuế của DN trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của DN; Các công cụ sử dụng trực tiếp trên máy tính xách tay đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ của công chức thanh tra, kiểm tra...

Tiểu kết chương 1

Chương 1 luận văn tác giả đã phân tích tổng quan về kiểm tra thuế đối với các DN NQD như khái niệm, đặc điểm, vai trò của DN NQD; khái niệm, đặc điểm, vai trò, các hình thức cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm tra thuế cũng như hệ thống hóa quy trình, nội dung quy trình kiểm tra thuế đối với các DN NQD. Từ tổng kết kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế đối với các DN NQD của một số quốc gia trên thế giới và một số tỉnh, thành phố trong nước rút ra được những bài học cho Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Chương 2:**THỰC TRẠNG KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NGOÀI
QUỐC DOANH TẠI CHI CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI,
TỈNH QUẢNG BÌNH****2.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới và Chi
cục Thuế thành phố Đồng Hới****2.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới****2.1.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên****- Vị trí địa lý**

Thành phố Đồng Hới thuộc tỉnh Quảng Bình nằm trên quốc lộ 1A, Đường sắt Thống nhất Bắc Nam và đường Hồ Chí Minh, có vị trí địa lý 17°21' vĩ độ bắc và 106°10' kinh độ đông. Phía Bắc giáp huyện Bố Trạch, Phía Nam giáp huyện Quảng Ninh, Phía Đông giáp biển, Phía Tây giáp huyện Bố Trạch, huyện Quảng Ninh.

- Điều kiện tự nhiên

Thành phố Đồng Hới có diện tích tự nhiên 155,54 km². Được chia thành 16 đơn vị hành chính với 10 phường và 6 xã. Địa hình gò đồi chiếm 41,7% diện tích; vùng bán sơn địa và đồng bằng chiếm 40,2% diện tích; vùng đồng bằng chiếm 3,8% diện tích; vùng cát ven biển chiếm 14,3% diện tích.

2.1.1.2. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đồng Hới**- Những tiềm năng và lợi thế**

Đồng Hới có điều kiện để phát triển trở thành đô thị biển trong thế gắn kết tạo thành chuỗi đô thị ven biển miền Trung, phát triển ngành nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản. Với các tiềm năng thiên nhiên sẵn có, Đồng Hới có điều kiện phát triển mạnh lĩnh vực dịch vụ du lịch. Đồng Hới có nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng nguồn lao động và hệ thống đào tạo ngày càng được nâng cao.

Kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng trong những năm qua đang phát huy tác dụng và sẽ tiếp tục được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển.

Các ngành công nghiệp chủ lực của thành phố có lợi thế về tài nguyên và lao động như: sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm thủy sản... đang phát triển ở mức cao.

Quỹ đất chưa sử dụng còn nhiều, diện tích đất gò đồi ở khu vực phía Tây và Tây Bắc có điều kiện để phát triển chăn nuôi, kinh tế trang trại kết hợp với du lịch sinh thái.

Xu hướng toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng lớn. Đây là cơ hội để Đồng Hới đón nhận các dòng vốn đầu tư, thu hút các nguồn lực từ bên ngoài để phát triển kinh tế – xã hội. Đồng thời cũng tạo cơ hội cho sản phẩm, hàng hoá của thành phố thâm nhập và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước.

Sau khi có Nghị quyết 05 của Tỉnh uỷ Quảng Bình, đã tạo ra cơ hội để Đồng Hới có được các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp của tỉnh, tạo động lực phát triển KT -XH với tốc độ nhanh hơn. Các lĩnh vực xã hội và đời sống nhân dân ngày càng nâng cao là cơ hội để đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí

- Những hạn chế, khó khăn

Đồng Hới có khí hậu khắc nghiệt, nhiều yếu tố bất lợi về thời tiết và khí hậu như hạn hán, lũ lụt, cát lún làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Đồng Hới có điểm xuất phát thấp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, chất lượng sản phẩm và dịch vụ thấp, sản phẩm có thương hiệu và hàm lượng kỹ thuật cao còn ít, hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh không cao, thiếu các bước, các lĩnh vực đột phá trong phát triển.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội còn yếu và chưa đồng bộ. Công tác quy hoạch và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Công tác quản lý và khai thác tài nguyên môi trường còn nhiều hạn chế.

Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề còn thấp (năm 2015 chiếm 49%), lực lượng cán bộ kỹ thuật còn thiếu và yếu. Trình độ công nghệ, kỹ thuật còn lạc hậu.

Nguồn thu ngân sách chưa vững chắc, thu từ SXKD dịch vụ chiếm tỷ trọng chưa cao, hiện tại nguồn thu chủ yếu là từ cấp quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc này sẽ ngày càng giảm trong tương lai gần.

Xu thế hội nhập và phát triển đem lại nhiều cơ hội, song cũng đan xen không ít thách thức.

Nằm trong Vùng kinh tế Bắc Trung Bộ, nằm giữa Quảng Trị và Hà Tĩnh, là vùng kinh tế còn gặp nhiều khó khăn so với cả nước nên Đồng Hới cũng đứng trước thách thức thu hút đầu tư từ bên ngoài, đặc biệt là thu hút các nhà đầu tư lớn, các dự án lớn.

Giá trị sản xuất của các DN Nhà nước và Công ty cổ phần hoá từ DN Nhà nước đang chiếm tỷ trọng khá lớn trong khi đó, DN tư nhân đa số có qui mô nhỏ, nguồn lực hạn chế nên khó có thể vươn nhanh ra chiếm lĩnh thị trường bên ngoài.

Trình độ tay nghề lao động, kinh nghiệm quản lý kinh doanh của các cơ sở SXKD nhìn chung đang còn thấp, ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu và chuyển giao khoa học công nghệ mới.

2.1.2. Giới thiệu về Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

2.1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

Sau ngày tái lập tỉnh, ngành thuế Đồng Hới đã đi vào hoạt động trong một tổ chức thống nhất trên cơ sở hợp nhất giữa phòng thuế công thương nghiệp, bộ phận thu quốc doanh và bộ phận thu thuế nông nghiệp theo Quyết

định số 315/TC/QĐ-TCCB ngày 21/8/1990 của Bộ trưởng Bộ Tài chính với 4 tổ, 3 trạm (Đội) quản lý thu các sắc thuế trên 8 xã phường, tổng số công chức 45 đồng chí, số thu 1.104 triệu đồng

Kể từ khi thành lập đến nay, ngành thuế Đồng Hới không ngừng phấn đấu trưởng thành về mọi mặt, góp phần xây dựng thành phố Đồng Hới xứng đáng là trung tâm chính trị- kinh tế- xã hội của tỉnh Quảng Bình. Bên cạnh đó Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới luôn thực hiện tốt chức năng quản lý thu thuế phí – lệ phí, liên tục hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu NSNN, thu đạt và vượt mức dự toán được giao.

Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới là tổ chức trực thuộc Cục Thuế Tỉnh Quảng Bình, có chức năng tổ chức thực hiện công tác QLT, phí, lệ phí, các khoản thu khác của NSNN thuộc phạm vi nhiệm vụ của ngành thuế tại Thành phố Đồng Hới theo quy định của pháp luật.

Chi cục Thuế có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của Luật QLT, các quy định pháp luật khác có liên quan với các nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

- Tổ chức triển khai thực hiện thống nhất các văn bản qui phạm pháp luật về thuế; quy trình, biện pháp nghiệp vụ QLT trên địa bàn;
- Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giải thích chính sách thuế của Nhà nước, hỗ trợ NNT trên địa bàn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật;
- Tổ chức thực hiện thu thuế hàng năm được giao; tổng hợp, phân tích, đánh giá công tác QLT; tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác lập và chấp hành dự toán thu NSNN, về công tác QLT trên địa bàn;

phối hợp chặt chẽ với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao;

- Kiến nghị với Cục trưởng Cục thuế những vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, các quy trình chuyên môn nghiệp vụ, các quy định quản lý nội bộ và những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế;

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ QLT đối với NNT thuộc phạm vi quản lý của Chi cục thuế: đăng ký thuế, cấp mã số thuế, xử lý hồ sơ khai thuế, tính thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, xóa nợ thuế, tiền phạt, lập bộ thuế, thông báo thuế, phát hành các lệnh thu thuế và thu khác theo ngành; đôn đốc NNT thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ, kịp thời vào NSNN;

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kê khai, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách, pháp luật thuế đối với NNT và các tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu thuế theo phân cấp và thẩm quyền quản lý của Chi cục trưởng Chi cục Thuế;

- Giám định để xác định số thuế phải nộp của NNT theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Được quyền yêu cầu NNT, các cơ quan Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác quản lý thu thuế; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các tổ chức, cá nhân không thực hiện trách nhiệm trong việc phối hợp với CQT để thực hiện nhiệm vụ thu NSNN;

- Tổ chức thực hiện thống kê, kế toán thuế, quản lý biên lai, ấn chỉ thuế; lập báo cáo về tình hình kết quả thu thuế và báo cáo khác phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành của cơ quan cấp trên, của Ủy ban nhân dân đồng cấp và các cơ quan có liên quan; tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả công tác của Chi cục Thuế TP Đồng Hới.

- Tổ chức thực hiện kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế và khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc thi hành công vụ của công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế theo quy định của pháp luật;

- Xử lý vi phạm về thuế, lập hồ sơ đề nghị cơ quan có thẩm quyền khởi tố các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật thuế theo quy định của Luật quản lý và pháp luật khác có liên quan;

- Thực hiện nhiệm vụ cải cách hệ thống theo mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, công khai hóa thủ tục, cải tiến quy trình nghiệp vụ QLT và cung cấp thông tin dễ tiếp cận thuận lợi phục vụ cho NNT thực hiện chính sách, pháp luật về thuế;

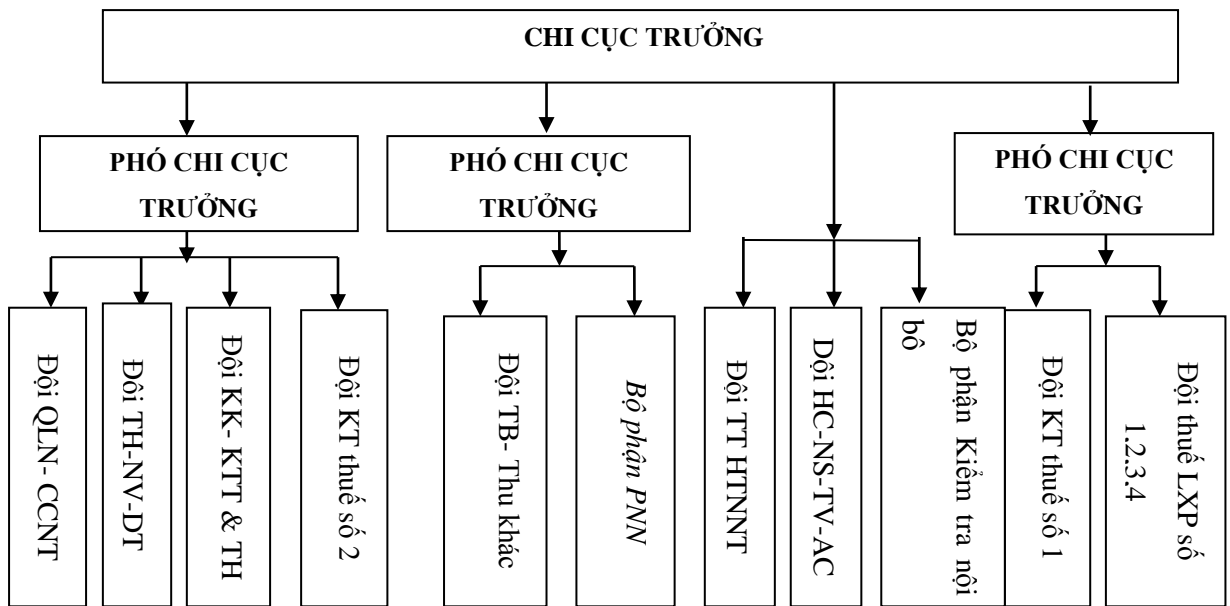
- Tổ chức tiếp nhận và triển khai ứng dụng tiến độ khoa học, công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại vào các hoạt động của Chi cục thuế.

- Quản lý bộ máy, biên chế, lao động; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức của Chi cục Thuế theo quy định của Nhà nước và của ngành thuế;

- Quản lý kinh phí, tài sản được giao, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, ấn chỉ thuế theo quy định của pháp luật và của ngành;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Cục trưởng Cục thuế giao.

2.1.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới



Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới
(Nguồn: Chi cục Thuế Tp. Đồng Hới)

- Tổng số công chức, người lao động: 79 người. Trong đó, biên chế: 72 người, hợp đồng: 7 người;
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ: 3 người; Đại học: 66 người; Cao đẳng: 02 người; Trung cấp: 08 người;
- Lực lượng công chức, người lao động được bố trí như sau.
 - + Ban lãnh đạo gồm: 01 Chi cục trưởng; 03 Phó Chi cục trưởng.
 - + 08 đội chức năng tại văn phòng Chi cục: 64 người.
 - + 04 đội Thuế phường, xã: 15 người.

2.2. Thực trạng kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

Từ năm 2015, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới thực hiện Quy trình kiểm tra thuế được ban hành theo Quyết định số 746/QĐ-TCT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế thay thế quy trình kiểm tra thuế theo quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29 tháng 05 năm 2008. Kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới bao gồm các nội dung sau:

- Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế;
- Công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế;
- Công tác tổng hợp báo cáo, lưu trữ kết quả kiểm tra thuế.

Tình hình thực hiện các công tác trên được tác giả tiến hành cụ thể hóa trong các nội dung sau:

2.2.1. Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế

Kiểm tra thuế tại trụ sở CQT luôn được Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đặc biệt chú trọng và quan tâm nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác của thông tin trong hồ sơ thuế của NNT; đánh giá sự tuân thủ pháp luật của NNT. Thông qua việc so sánh thông tin về NNT qua các thời kỳ với nhau để phân tích sự biến động trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Thông tin phục vụ cho kiểm tra thuế được thu thập từ hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung của ngành thuế (hệ thống TMS), từ chương trình QLT và từ nhiều nguồn khác nhau.

Hiện nay, Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới kết hợp giữa phương pháp kiểm tra thủ công và ứng dụng các phần mềm ứng dụng để lập kế hoạch, thực hiện kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các hồ sơ khai thuế.

**** Lập kế hoạch kiểm tra***

Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới luôn chú trọng đến công tác lập kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế của NNT. Từ năm 2015, sau khi áp dụng quy trình kiểm tra mới, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đã lựa chọn để lập danh sách các DN phải kiểm tra hồ sơ khai thuế theo hai phương pháp là kiểm tra thủ công kết hợp với ứng dụng phần mềm phân tích rủi ro TPR. Danh sách này được lựa chọn chủ yếu từ hệ thống TPR, còn lại là qua theo dõi các DN có các dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp. Năm 2014, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới vẫn áp dụng quy trình kiểm tra theo quyết định 528/QĐ-TCT. Theo quy trình này, công chức kiểm tra phải kiểm tra sơ

bộ tất cả các hồ sơ khai thuế nhận được, phân tích, đánh giá để lựa chọn, lập danh sách các cơ sở kinh doanh có rủi ro về thuế phải kiểm tra như: DN có ý thức tuân thủ pháp luật về thuế thấp (nộp hồ sơ khai thuế không đầy đủ, đúng hạn; khai thuế hay sai sót...) hay có các dấu hiệu không bình thường về khai thuế so với tháng trước hoặc năm trước (có số thuế giá trị tăng âm (-) liên tục nhưng không xin hoàn, có đột biến về doanh thu hoặc số thuế phải nộp tăng, giảm trên 20%); DN có các dấu hiệu không bình thường về khai thuế so với tháng trước hoặc năm trước; DN có doanh thu năm trước hoặc số thuế phải nộp lớn; Theo chỉ đạo của Thủ trưởng CQT hoặc theo chỉ đạo của Thủ trưởng CQT cấp trên. Khi lập danh sách Chi cục Thuế đã cân đối với nguồn nhân lực hiện có, đảm bảo kiểm tra được tất cả các loại hồ sơ khai thuế của cơ sở kinh doanh đã được lập theo danh sách.

Có thể thấy, từ năm 2015 việc lập kế hoạch kiểm tra chủ yếu đã ứng dụng công nghệ thông tin cụ thể là hệ thống phân tích rủi ro TPR kết hợp với lựa chọn theo phương pháp kiểm tra thủ công như đã từng thực hiện ở năm 2014. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã áp dụng được yêu cầu hiện đại hóa ngành thuế

Danh sách các DN phải kiểm tra hồ sơ khai thuế sau đó được tổng hợp trình ký Chi cục trưởng và gửi Cục thuế tỉnh Quảng Bình theo đúng quy trình.

Căn cứ vào danh sách số lượng NNT phải kiểm tra hồ sơ khai thuế đã được Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới phê duyệt, đội trưởng các đội kiểm tra thuế có trách nhiệm giao cụ thể số lượng NNT phải kiểm tra hồ sơ thuế cho từng công chức kiểm tra thuế.

Bảng 2.1: Số lượng DN NQD phải kiểm tra hồ sơ khai thuế giai đoạn 2014 - 2016 tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Số lượng DN phải kiểm tra (Đội kiểm tra thuế số 01 thực hiện)	98	79	134
Số lượng DN phải kiểm tra (Đội kiểm tra thuế số 02 thực hiện)	224	281	245
Tổng cộng số lượng DN phải kiểm tra của Chi cục Thuế	322	360	378
Tổng số DN NQD Chi cục Thuế quản lý	1.222	1.333	1.424
Số lượng DN phải kiểm tra so với tổng số DN quản lý (%)	26	27	27

(Nguồn: Báo cáo công tác kiểm tra từ năm 2014 đến 2016 - Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới)

Số liệu bảng 2.1 cho thấy, từ năm 2014 đến năm 2016, số lượng DN NQD trên địa bàn Thành phố Đồng Hới do Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới quản lý đã tăng đáng kể, từ 1.222 DN năm 2014 lên 1.424 năm 2016 (tăng 16%). Cùng với sự gia tăng về số lượng DN, số lượng DN phải kiểm tra hồ sơ khai thuế tăng qua các năm, từ 322 DN năm 2014 lên 378 DN năm 2016 (tăng 17,3%). Tỷ lệ số DN phải kiểm tra hồ sơ khai thuế so với tổng số DN quản lý là 27%. Như vậy, có thể thấy Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đã luôn chú trọng đến công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế nên số lượng hồ sơ khai thuế phải kiểm tra tăng qua các năm.

** Nội dung kiểm tra hồ sơ khai thuế*

Hai đội kiểm tra tập trung kiểm tra hồ sơ khai thuế của những DN nằm trong kế hoạch kiểm tra, các công chức kiểm tra thường tập trung vào kiểm tra những nội dung như: kiểm tra việc ghi chép phản ánh các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế; kiểm tra các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp; số tiền thuế được miễn, giảm; số tiền hoàn thuế ...đôi chiếu các quy định của

văn bản pháp luật về thuế; đối chiếu các chỉ tiêu phản ánh trong tờ khai thuế; các tài liệu kèm theo tờ khai thuế tháng trước, quý trước, năm trước; đối chiếu dữ liệu của NNT có quy mô cùng ngành nghề, mặt hàng kinh doanh; đối chiếu thông tin thu thập được từ các nguồn khác. Qua quá trình kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT cho thấy các sai phạm chủ yếu trong việc kê khai là:

- Thay đổi thông tin DN như kê toán trưởng, địa chỉ kinh doanh, tài khoản ngân hàng, điện thoại, email không đăng ký với CQT

- Kê khai thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang: tờ khai 01/GTGT DN kê khai chỉ tiêu [22] không bằng chỉ tiêu [43] của tờ khai chính thức kỳ trước liền kề.

- Kê khai hóa đơn đầu vào không đủ điều kiện khấu trừ như sai MST, tên DN, hóa đơn tẩy xóa.

- Kê khai sót hóa đơn đầu ra, ghi giá trị trên hóa đơn thấp hơn giá trị thực tế đã bán, không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán từ 200.000 trở lên cho người mua theo quy định, lập hóa đơn không đúng thời điểm.

- Hạch toán chi phí tiền lương nhưng thiếu hợp đồng lao động; bảng lương không có người ký nhận.

** Xử lý kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT*

Công tác xử lý các hồ sơ khai thuế sau khi được kiểm tra của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới được thực hiện theo quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế về nội dung kiểm tra, trình tự và thời gian. Đối với các hồ sơ khai thuế khai đầy đủ chỉ tiêu, khai thuế chính xác, hợp lý, không có dấu hiệu vi phạm và các hồ sơ khai thuế tuy phát hiện khai là đúng thì công chức kiểm tra lưu bản nhận xét kèm hồ sơ khai thuế. Đối với các hồ sơ khai thuế khi phát hiện số thuế khai là chưa chính xác thì NNT đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế

hoặc đã chứng minh được số thuế khai là đúng thì bản giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu kèm với hồ sơ khai thuế.

Bảng 2.2: Kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT giai đoạn 2014-2016 của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Diễn giải	Tổng số hồ sơ phải kiểm tra	Kết quả xử lý					
			Khai bổ sung		Án định thuế		Đề nghị kiểm tra tại trụ sở DN	
			Số hồ sơ	Số thuế khai bổ sung	Số hồ sơ	Số thuế án định	Số hồ sơ	Số DN
1	Năm 2014	1.417	3	25.217	-	-	12	1
	- Đội KT thuế số 1	428						
	- Đội KT thuế số 2	989	3	25.217			12	1
2	Năm 2015	1.576	10	115.260	-	-	8	2
	- Đội KT thuế số 1	344						
	- Đội KT thuế số 2	1.232	10	115.260			8	2
3	Năm 2016	1.643	5	37.610	-	-	-	-
	- Đội KT thuế số 1	573	2	12.150				
	- Đội KT thuế số 2	1070	3	25.460				
4	Tổng cộng	4.637	18	178.087	-	-	20	3
4.1	- Đội KT thuế số 1	1.346	2	12.150	-	-	-	-
4.2	- Đội KT thuế số 2	3.291	16	165.937	-	-	20	3

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra - Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới từ năm 2014 đến năm 2016)

Số liệu ở bảng 2.2 cho thấy, từ năm 2014 đến năm 2016, tổng số hồ sơ khai thuế được kiểm tra ở hai đội kiểm tra là 4.637 hồ sơ, trong đó đội kiểm tra thuế số 2 có số hồ sơ khi thuế được kiểm tra tại CQT cao nhất vì đội kiểm tra thuế số 2 có số lượng DN quản lý nhiều hơn. Trong 4.637 hồ sơ đó có 18 hồ sơ khai thuế phát hiện sai sót (chiếm tỷ lệ 0,38%), tỷ lệ này còn quá thấp và NNT đã khai bổ sung điều chỉnh với số tiền là 178 triệu đồng. Trong số tổng 18 hồ sơ khai thuế phát hiện điều chỉnh bổ sung thì năm 2015 đã chiếm 10 hồ sơ khai thuế với số tiền thuế khai bổ sung là cao nhất trong 3 năm là 115,26 triệu đồng, số thuế khai bổ sung trung bình là 9,8 triệu đồng/hồ sơ là chưa cao.

Và trong 3 năm từ 2014 đến năm 2016 có 20 hồ sơ khai thuế sai sót nhưng chỉ kiểm tra tại trụ sở NNT được 3 DN. Các hồ sơ khai thuế này rơi vào trường hợp là sau khi kiểm tra phát hiện NNT khai sai, Chi cục Thuế đã yêu cầu NNT giải trình, bổ sung thông tin tài liệu chứng minh số thuế đã khai là đúng theo đúng quy trình nhưng NNT tuy đã giải trình nhưng không chứng minh được vì thế công chức kiểm tra hồ sơ khai thuế đã báo cáo với Phó chi cục trưởng phụ trách đội kiểm tra thuế số 2 ra quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT.

Qua kết quả trên nhận thấy, kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế đã phát hiện được các các hành vi vi phạm song số vi phạm được phát hiện chưa nhiều, số thuế khai bổ sung chưa cao, số DN đề nghị kiểm tra tại trụ sở DN còn quá ít và chưa có trường hợp nào bị ấn định thuế.

2.2.2. Công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở NNT đã được Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới thực hiện đúng theo quy trình kiểm tra thuế được ban hành theo quyết định số 746/2015/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở NNT trên cơ sở thu thập và phân tích

thông tin, lựa chọn các đơn vị có dấu hiệu gian lận thuế để tiến hành kiểm tra, vừa không gây phiền hà cho các DN không có vi phạm, vừa tránh lãng phí nguồn lực của CQT. Thời gian tiến hành một cuộc kiểm tra tại đơn vị được tiến hành chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định kiểm tra thuế. Khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT, các công chức kiểm tra thuế đã tập trung vào các dấu hiệu nghi vấn, tránh tình trạng kiểm tra dàn trải, gây mất thời gian cho đối tượng kiểm tra. Đồng thời, việc áp dụng các công cụ hỗ trợ như công cụ tra cứu hoá đơn của các DN bỏ trốn, các phần mềm phân tích tài chính DN, các chương trình Excel tính toán số liệu đã rút ngắn thời gian đồng thời nâng cao hiệu quả kiểm tra thuế tại cơ sở kinh doanh.

Quy trình kiểm tra thuế đã chuẩn hoá, quy định đầy đủ, chi tiết và cụ thể trình tự và các bước công việc đã giúp cho công tác kiểm tra tại cơ sở DN do Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới quản lý được tiến hành theo một trình tự khoa học và hiệu quả.

** Lập kế hoạch kiểm tra*

Kế hoạch hàng năm được giao cho một công chức phụ trách lập kế hoạch kiểm tra. Việc lập kế hoạch kiểm tra dựa vào hệ thống phân tích rủi ro (TPR) kết hợp với kinh nghiệm chủ quan của mỗi công chức kiểm tra quản lý địa bàn DN để có cái nhìn sâu rộng hơn giúp cho việc lập kế hoạch đảm bảo chính xác hơn. Tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, thời gian lập kế hoạch kiểm tra và gửi Cục Thuế luôn thực hiện theo đúng quy trình.

Danh sách kế hoạch kiểm tra được lựa chọn từ 80% số lượng DN phân tích rủi ro theo xếp hạng rủi ro cao nhất kết hợp với 20% DN đang hoạt động qua công tác quản lý, phân tích, theo dõi chấp hành pháp luật thuế.

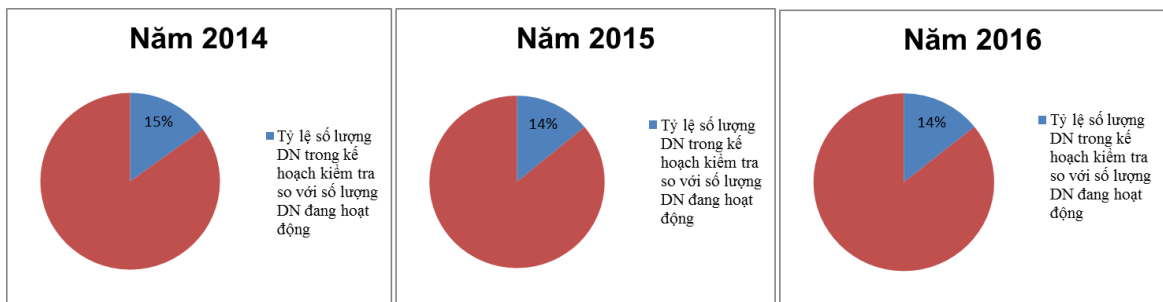
Số lượng NNT đưa vào kế hoạch kiểm tra cũng căn cứ vào số lượng nhân lực hiện có để đảm bảo hoàn thành kế hoạch. Đồng thời, danh sách kế hoạch kiểm tra không được trùng với danh sách thanh tra của Cục Thuế tỉnh.

Bảng 2.3: Tình hình hoàn thành kế hoạch kiểm tra thuế tại trụ sở NNT

Năm	Số DN kiểm tra trong năm theo kế hoạch được duyệt	Số DN thực tế đã kiểm tra trong năm	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch(%)
Năm 2014	186	187	100,5
Năm 2015	193	198	102,6
Năm 2016	204	210	102,9

(Nguồn: Báo cáo công tác kiểm tra tại trụ sở NNT của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới từ năm 2014 đến năm 2016)

Bảng 2.3 cho thấy, từ năm 2014 đến năm 2016, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới luôn hoàn thành 100% kế hoạch kiểm tra tại trụ sở NNT theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tỷ lệ hoàn thành vượt 100% là do số DN thực tế đã được kiểm tra bao gồm cả số DN kiểm tra giải thể.

**Biểu đồ 2.1: Tỷ lệ số DN phải kiểm tra theo kế hoạch so với tổng số DN đang hoạt động từ năm 2014 đến năm 2016**

(Nguồn: Báo cáo kết quả kiểm tra Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới)

Biểu đồ 2.1 cho thấy, tỷ lệ số lượng DN phải kiểm tra theo kế hoạch so với tổng số DN đang hoạt động 3 năm gần bằng nhau: năm 2014 là 15%; năm 2015 là 14%; năm 2016 là 14%. Trung bình tỷ lệ này là 14% vẫn còn quá thấp so với yêu cầu của toàn ngành tối thiểu phải là 20% số lượng DN đang quản lý, điều này có thể là do hạn chế về chất lượng và số lượng nguồn nhân lực.

* Thực hiện kiểm tra và xử lý sau kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế

Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở NNT tập trung vào các nội dung trọng tâm sau:

+ Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ đầu ra, đầu vào; có đối chiếu so sánh với số liệu trên tờ khai, các quy định của pháp luật thuế; kiểm tra căn cứ xác định các chỉ tiêu liên quan đến từng loại thuế mà DN phải nộp như:

Đối với thuế TNDN: doanh thu tính thuế, tổng thu nhập chịu thuế, chi phí được trừ, chi phí không được trừ..

Đối với thuế GTGT: kiểm tra hóa đơn GTGT đầu vào được khấu trừ, khai sót hóa đơn GTGT đầu ra

Đối với thuế Tài nguyên: sản lượng tài nguyên thương phẩm khai thác; giá tính thuế đối với từng loại tài nguyên.

+ Kiểm tra số thuế được hoàn, được khấu trừ, được miễn, giảm theo quy định.

+ Kiểm tra tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế đối với DN đã giải thể

Chi cục thuế Thành phố Đồng Hới thực hiện kiểm tra theo đúng quy trình kiểm tra, sau khi lựa chọn DN kiểm tra trong danh sách kế hoạch kiểm tra, đoàn kiểm tra sẽ được lập thông thường là 3 công chức, với những DN có doanh thu và đầu vào lớn thì đoàn kiểm tra thường có 4 người. Trưởng đoàn sẽ họp đoàn phân công nhiệm vụ của mỗi đoàn viên sau đó sẽ phân tích chuyên sâu DN được chọn kiểm tra, chuẩn bị số liệu và ra quyết định kiểm tra. Thời gian thực hiện một cuộc kiểm tra từ khi ra quyết định kiểm tra đến khi có quyết định xử lý sau kiểm tra thông thường là 12 ngày. Các sắc thuế được kiểm tra chủ yếu là các sắc thuế GTGT, TNDN. Các đoàn kiểm tra thường tập trung kiểm tra thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, chi phí được trừ khi tính thuế TNDN, doanh thu, giá vốn, hàng hóa xuất nhập tồn và kiểm tra hàng tồn kho khi cần thiết.

Tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới qua kiểm tra nổi lên các sai phạm của NNT chủ yếu như sau:

- Không xuất hóa đơn và kê khai doanh thu không đúng thực tế phát sinh thường xảy ra tại các DN kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; dịch vụ vận tải; hoạt động xây dựng cơ bản (nhà dân và đơn vị xây dựng vĩnh lai); vật liệu xây dựng; chế biến lâm sản; thủy hải sản; điện tử, điện lạnh; hàng trang trí nội thất...

- Kê khai doanh thu thấp hơn thực tế thanh toán, nhất là các trường hợp cung cấp hàng hóa dịch vụ cho các cá nhân, hộ gia đình (Vì các đối tượng này sử dụng tiền mặt và không cần lấy hoá đơn) thường xảy ra tại các DN kinh doanh nhà hàng ăn uống; dịch vụ khách sạn; xe gắn máy; vật liệu xây dựng ...

- Nhượng bán, trao đổi vật tư không ghi nhận doanh thu mà chỉ hạch toán thay đổi cơ cấu tài sản lưu động bằng các bút toán nhập, xuất, thu, chi hoặc công nợ phải thu, phải trả; bán phế liệu không xuất hóa đơn, không ghi nhận doanh thu hoặc hạch toán giảm chi phí sản xuất.

- Các DN sản xuất thường xây dựng định mức vật tư cho một đơn vị sản phẩm cao hơn thực tế làm tăng chi phí nguyên vật liệu, hoặc không xây dựng định mức vật tư làm khó khăn cho kiểm tra xác định của CQT.

- Về khấu hao tài sản cố định: Đưa vào chi phí khoản trích khấu hao các tài sản không dùng cho SXKD, hoặc trích khấu hao cao hơn quy định; hoặc tài sản của cá nhân không phải là tài sản của DN.

- Chi phí tiền lương theo hợp đồng lao động và thực tế chi trả cho người lao động khó kiểm tra xác định, có trường hợp DN chi trả thấp hơn hợp đồng lao động nhưng hạch toán chi phí tiền lương theo hợp đồng lao động.

- Kê khai không chi phí vận chuyển...lập chứng từ không chi phí nhân công, nhất là chứng từ thuê khoán lao động phổ thông tại hiện trường hợp thức hoá phần chênh lệch giữa số thực chi thuê khoán và số được chi trả nhân công trong bảng quyết toán giá trị công trình.

- Có công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu thanh quyết toán nhưng

chưa thanh toán tiền (nhà thầu) nên các DN không kê khai tính thuế; một số công trình có giá trị xây lắp bổ sung, phát sinh sau khi lập dự toán DN chỉ kê khai giá trị hợp đồng chính còn phần bổ sung, phát sinh không kê khai thuế.

- Lợi dụng một số mặt chính sách của Nhà nước và công tác quản lý chưa đồng bộ nên một số DN kê khai không các chi phí phát sinh ngoài dự toán, vượt so với định mức thiết kế kỹ thuật, với giá trị lớn nhằm khấu trừ thuế GTGT đầu vào và tăng chi phí, làm giảm thu nhập chịu thuế, giảm thuế TNDN.

**Bảng 2.4: Kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT
giai đoạn 2014 - 2016 của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới**

DVT: nghìn đồng

T T	Năm	Số DN đã kiểm tra	Kết quả xử lý				
			Truy thu thuế và phạt			Giảm khấu trừ	Giảm lỗ
			Tổng số	Trong đó			
				Truy thu thuế	Xử phạt vi phạm hành chính, phạt nộp chậm		
1	Năm 2014	187	4.280.228	3.123.300	1.156.928	1.197.032	13.233.775
	- Đội Kiểm tra thuế số 1	59	1.267.285	925.666	341.619	7.064	5.738.591
	- Đội Kiểm tra thuế số 2	128	3.012.943	2.197.634	815.309	1.189.968	7.495.184
2	Năm 2015	198	4.577.455	3.186.271	1.391.183	885.181	8.507.818
	- Đội Kiểm tra thuế số 1	67	2.237.343	1.572.846	664.497	389.087	5.003.426
	- Đội Kiểm tra thuế số 2	131	2.340.112	1.613.425	726.686	496.094	3.504.392
3	Năm 2016	210	4.956.715	3.316.799	1.639.915	854.314	11.544.319
	- Đội Kiểm tra thuế số 1	76	1.439.387	994.094	445.293	92.929	4.410.259
	- Đội Kiểm tra thuế số 2	134	3.517.328	2.322.705	1.194.622	761.385	7.134.060
4	Tổng cộng	595	13.814.398	9.626.370	4.188.026	2.936.527	33.285.912
4. 1	- Đội Kiểm tra thuế số 1	202	4.944.015	3.492.606	1.451.409	489.080	15.152.276
4. 2	- Đội Kiểm tra thuế số 2	393	8.870.383	6.133.764	2.736.617	2.447.447	18.133.636

(Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra - Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới năm 2014-2016)

Số liệu bảng 2.4 cho thấy, số DN đã kiểm tra và có phát hiện sai phạm về thuế có xu hướng tăng lên, từ 187 DN năm 2014 lên 210 DN năm 2016 (tăng 12%) tuy nhiên chưa tương xứng với số DN tăng thêm từ 1.222 DN năm 2014 lên 1.424 năm 2016 (tăng 16,5%). Từ năm 2014 đến năm 2016, có 595 DN đã được kiểm tra và được xử lý vi phạm pháp luật về thuế, truy thu được 9,62 tỷ đồng tiền thuế, xử lý vi phạm hành chính; phạt nộp chậm là 4,18 tỷ đồng vào NSNN, giảm khấu trừ 2,93 tỷ đồng, giảm lỗ 33,2 tỷ đồng. Qua 3 năm từ năm 2014 đến năm 2016, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới luôn hoàn thành kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, số DN kiểm tra tăng so với kế hoạch là do kiểm tra giải thể. Số truy thu và phạt bình quân mỗi cuộc kiểm tra tăng qua các năm, lần lượt là 22,8 triệu đồng, 23,1 triệu đồng, 23,6 triệu đồng tuy nhiên còn thấp so với chỉ tiêu của Chi cục Thuế Đồng Hới đề ra là bình quân mỗi cuộc kiểm tra tối thiểu phải đạt 30 triệu đồng.

Bảng 2.5: Bảng tổng hợp kết quả thu NSNN giai đoạn 2014-2016

ĐVT: Triệu đồng

Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016		
Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)
449.900	593.264	131,9	559.100	774.486	138,5	829.930	1.085.760	130,8

(Nguồn: Báo cáo kết quả thu ngân sách của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới)

Số liệu ở bảng 2.5 cho thấy, từ năm 2014 đến năm 2016, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới luôn hoàn thành kế hoạch và vượt dự toán được giao.

Tuy nhiên, kết hợp với bảng 2.4 nhận thấy tổng số truy thu và phạt qua kiểm tra thuế còn thấp so với tổng thu NSNN trên địa bàn. Cụ thể: năm 2014 chiếm khoảng 0,7%, năm 2015 chiếm khoảng 0,59%, năm 2016 chiếm khoảng 0,45%. Vì thế, trong thời gian tới cần phải tăng cường về số lượng cũng như chất lượng các cuộc kiểm tra để tăng thu NSNN.

Phần sau đây, tác giả đi sâu phân tích cụ thể tại Công ty TNHH Tân Bình (MST: 3100194121) làm mẫu để minh họa công tác kiểm tra chấp hành pháp luật thuế tại trụ sở NNT do Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới thực hiện.

Bảng 2.6: Số liệu kết quả kiểm tra năm 2015 tại Công ty TNHH Tân Bình*Đơn vị tính: VN Đồng*

ST T	CHỈ TIÊU	SỐ BÁO CÁO	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
I	<u>THUẾ GTGT</u>			
1	Doanh thu tính thuế GTGT(10%)	15.340.090.644	15.340.090.644	0
2	Thuế GTGT còn được KT đầu kỳ	0	0	0
3	Thuế GTGT đầu ra	1.534.019.912	1.534.019.912	0
4	Thuế GTGT đầu vào	1.009.273.298	982.302.617	-26.970.681
5	Thuế GTGT phải nộp	524.746.614	551.717.295	26.970.681
6	Thuế GTGT phải nộp kỳ trước chuyển qua	349.725.088	375.204.678	25.479.590
7	Thuế GTGT đã nộp	799.562.196	799.562.196	0
8	Thuế GTGT phải nộp	74.909.506	127.359.777	52.450.271
II	<u>THUẾ TNDN</u>			
1	Doanh thu bán hàng CCDV	15.340.090.644	15.340.090.644	0
2	Các khoản giảm trừ	10.273.428	0	-10.273.428
3	Doanh thu thuần	15.329.817.216	15.340.090.644	10.273.428
4	Chi phí sản xuất kinh doanh	13.465.727.155	13.319.276.967	-146.450.188
<i>a</i>	<i>Giá vốn hàng bán</i>	<i>7.335.674.904</i>	<i>7.196.764.924</i>	<i>-138.909.980</i>
<i>b</i>	<i>Chi phí quản lý DN</i>	<i>6.130.052.251</i>	<i>6.122.512.043</i>	<i>-7.540.208</i>
5	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.864.090.061	2.020.813.677	156.723.616
6	Doanh thu tài chính	413.121	413.121	0

ST T	CHỈ TIÊU	SỐ BÁO CÁO	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
7	Chi phí tài chính	8.547.343.466	8.547.343.466	0
8	Thu nhập từ hoạt động SXKD	-6.682.840.284	-6.526.116.668	156.723.616
9	Thu nhập khác	0	0	0
10	Chi phí khác	0	0	0
11	Thu nhập chịu thuế trong năm	-6.682.840.284	-6.526.116.668	156.723.616
12	Lỗ năm trước chuyển sang	0	-12.319.173.337	-12.319.173.337
13	Tổng thu nhập chịu thuế	-6.682.840.284	-18.845.290.005	
14	Thuế TNDN phát sinh			0
15	Số thuế TNDN đã nộp		0	0
16	Số lỗ chuyển sang năm sau	0	-18.845.290.005	-18.845.290.005
III	<u>Thuế TTĐB</u>			
1	Thuế TTĐB phải nộp	10.273.426	10.273.426	0
2	Thuế TTĐB phải nộp(+) hoặc nộp thừa(-) kỳ trước chuyển qua	-2.936.953	-1.864.044	1.072.909
3	Thuế TTĐB đã nộp	4.409.790	4.409.790	0
4	Thuế TTĐB phải nộp(+) hoặc nộp thừa(-) chuyển qua kỳ sau	2.926.683	4.017.592	1.090.909
IV	<u>Thuế TNCN</u>	0	0	0
V	<u>Thuế Môn bài</u>	3.000.000	3.000.000	0

(Nguồn: Đội Kiểm tra thuế số 1- Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới)

Quyết định kiểm tra số 2352 ngày 21/11/2016; Quyết định xử lý số 2662 ngày 28/12/2016.

Từ số liệu ở bảng 2.6, cho thấy số liệu chênh lệch qua kiểm tra tại trụ sở Công ty TNHH Tân Bình như sau:

Số thuế kỳ trước chuyển qua căn cứ vào biên bản kiểm tra ở các năm trước.

1/ Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 26.970.681 đồng do:

- Hóa đơn mua vào ghi sai MST người mua, khai trùng hóa đơn (khai thuế 2 lần), khấu trừ thuế đầu vào lớn hơn số thuế ghi trên hóa đơn, không thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định.

2/ Thuế GTGT phải nộp tăng 26.970.681 đồng do nguyên nhân 1.

3/ Giảm các khoản giảm trừ doanh thu 10.273.428 đồng do đơn vị hạch toán thuế TTĐB vào khoản giảm trừ doanh thu.

4/ Chi phí SXKD giảm 146.450.188 đồng do:

4.1. - Giảm giá vốn giá trị hàng hóa mua vào hạch toán vào giá vốn sai số học 500.000 đồng;

- Giảm giá vốn giá trị hàng hóa mua vào không thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt 138.409.980 đồng.

4.2. - Giảm chi phí Quản lý DN 7.540.208 đồng do:

- Tăng chi phí thuế TTĐB phải nộp: 10.273.426 đồng;

- Tăng chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ do hóa đơn ghi sai MST người mua: 181.818 đồng;

- Giảm chi phí giá trị hàng hóa mua vào không thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt 17.995.452 đồng

5/ Tăng thu nhập chịu thuế TNDN 156.723.616 đồng và giảm lỗ tương ứng do nguyên nhân 3&4.

Căn cứ kết quả kiểm tra, đoàn kiểm tra đã lập biên bản kiểm tra, Công ty TNHH Tân Bình được kiểm tra đã đồng ý và ký vào biên bản kiểm tra. Căn

cứ kết quả kiểm tra được ghi nhận tại biên bản kiểm tra thuế và báo cáo của Trưởng đoàn kiểm tra thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đã ký Quyết định xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế với các nội dung sau:

- Về truy thu thuế: Truy thu số tiền thuế GTGT phát hiện qua kiểm tra năm 2015 tại Công ty TNHH Tân Bình là: 26.970.681 đồng

- Về xử phạt vi phạm hành chính:

Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai thu nhập chịu thuế TNDN nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được miễn, giảm hoặc chưa được hoàn thuế; khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định 98/2007/NĐ-CP ngày 07/6/2007 của Chính phủ; Khoản 4 Điều 6, Khoản 2 Điều 10 Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Khoản 3 Điều 3 Luật 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và Luật QLT. Cụ thể:

+ Phạt khai sai thu nhập chịu thuế TNDN nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được miễn, giảm hoặc chưa được hoàn thuế, số tiền: 2.100.000 đồng;

+ Phạt 20% số thuế GTGT khai thiếu, phát hiện qua kiểm tra, số tiền: 5.394.136 đồng;

+ Tiền chậm nộp số thuế khai thiếu phát hiện qua kiểm tra: 5.430.135 đồng.

Qua kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT giai đoạn 2014- 2016 của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, cụ thể là kết quả kiểm tra tại Công ty TNHH Tân Bình năm 2015 cho thấy, tình trạng trốn thuế, tránh thuế còn khá phổ biến, kiểm tra thuế mới chỉ tập trung ở hai sắc thuế cơ bản là thuế GTGT và thuế TNDN, các sắc thuế khác chưa được chú trọng để kiểm tra nhằm phát hiện sai

sót, góp phần tăng nguồn thu.

** Giám sát kết quả sau kiểm tra*

Sau khi giao quyết định xử lý cho NNT, Trưởng đoàn kiểm tra phối hợp với công chức quản lý DN và đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo dõi và đôn đốc việc thực hiện nộp các khoản thuế truy thu, truy hoàn, tiền phạt theo kết quả kiểm tra.

Bảng 2.7: Tình hình nợ thuế của NNT sau kiểm tra 2014-2016

Diễn giải	Tổng số truy thu và phạt	Số tiền đã nộp	Còn nợ	Tỷ lệ số tiền đã nộp so với tổng số truy thu và phạt (%)
Năm 2014	4.280.228	4.280.228	0	100%
- Đội Kiểm tra thuế số 1	1.267.285	1.267.285	0	100%
- Đội Kiểm tra thuế số 2	3.012.943	3.012.943	0	100%
Năm 2015	4.577.455	4.510.455	67.000	99%
- Đội Kiểm tra thuế số 1	2.237.343	2.170.343	67.000	97%
- Đội Kiểm tra thuế số 2	2.340.112	2.340.112	0	100%
Năm 2016	4.956.715	4.757.714	199.000	96%
- Đội Kiểm tra thuế số 1	1.439.387	1.352.387	87.000	94%
- Đội Kiểm tra thuế số 2	3.517.328	3.405.328	112.000	97%
Tổng cộng	13.814.398	13.548.398	266.000	98%
- Đội Kiểm tra thuế số 1	4.944.015	4.790.015	154.000	97%
- Đội Kiểm tra thuế số 2	8.870.383	8.758.383	112.000	99%

(Nguồn: Báo cáo kết quả kiểm tra của Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới từ năm 2014-2016)

Số liệu ở Bảng 2.7 cho thấy, số tiền thuế và phạt đã nộp NSNN so với tổng số truy thu và phạt đạt 98%, đây là một kết quả rất đáng khích lệ, NNT sau khi có quyết định xử lý hầu hết đều tự giác nộp tiền vào NSNN, chỉ có 2 trường hợp năm 2015 đến hiện tại không nộp và CQT đã tiến hành cưỡng chế hóa đơn cũng như đóng ngừng hoạt động DN. Năm 2016 còn một số DN chưa nộp tiền truy thu và phạt vào NSNN nhưng qua công tác đôn đốc nhận thấy các DN đều cam kết sẽ nộp hết trong quý 1 năm 2017.

2.2.3. Công tác tổng hợp, báo cáo, lưu trữ hồ sơ kiểm tra thuế

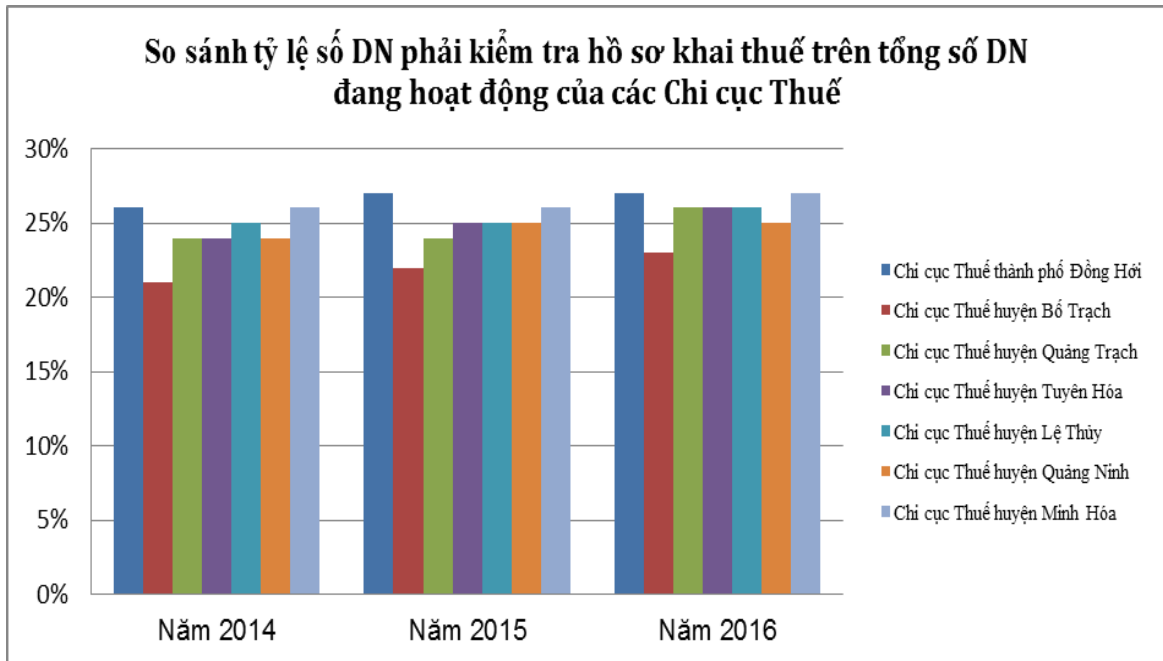
Hai đội kiểm tra thuế nhập toàn bộ dữ liệu về kiểm tra bao gồm: kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT; kiểm tra tại trụ sở NNT vào hệ thống hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR). Trưởng đoàn kiểm tra phân công thành viên trong đoàn kiểm tra của mình nhập dữ liệu vào TTR kịp thời, đầy đủ và tính chính xác của số liệu NNT được kiểm tra nhập vào hệ thống TTR.

Do tại Chi cục Thuế đang trong thời gian ứng dụng hỗ trợ thanh tra, kiểm tra (TTR) đang được nâng cấp, các đội kiểm tra thuế đang báo cáo Cục thuế bằng văn bản hàng tháng, cả năm kết quả kiểm tra hồ sơ thuế tại trụ sở CQT và tại trụ sở NNT theo mẫu báo cáo số 09/QTKT; 10/QTKT và mẫu báo cáo số 11/QTKT theo quy trình kiểm tra. Đội kiểm tra thuế số 2 là đội được Chi cục trưởng giao cho tập hợp chung báo cáo cho hai đội kiểm tra). Báo cáo được gửi trước qua mail sau đó gửi qua đường văn thư đúng thời gian quy định. Trưởng đoàn kiểm tra luôn thực hiện bàn giao hồ sơ cuộc kiểm tra cho bộ phận kê khai, quản lý nợ, NNT theo đúng thời gian quy định. Hồ sơ, tài liệu bàn giao được lập thành biên bản lưu cùng hồ sơ cuộc kiểm tra. Đối với hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở CQT; hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở của NNT được lưu giữ trong thời hạn là 5 năm, kể từ ngày kết thúc kiểm tra. Đối với các báo cáo tổng hợp được lưu giữ tại Chi cục Thuế trong thời hạn là 5 năm kể từ năm báo cáo.

2.2.4. So sánh công tác kiểm tra thuế của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới so với một số Chi cục khác trong tỉnh Quảng Bình

* Đối với công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại các Chi cục Thuế

Tỷ lệ số DN phải kiểm tra hồ sơ khai thuế trên tổng số DN đang hoạt động cao hơn so với các Chi cục Thuế khác trong tỉnh, thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.2: Tỷ lệ số lượng DN được kiểm tra hồ sơ khai thuế trên tổng số DN đang hoạt động của các Chi cục Thuế

(Nguồn: Báo cáo kết quả kiểm tra ngành Thuế tỉnh Quảng Bình)

Biểu đồ 2.2 cho thấy, trung bình mỗi năm, tỷ lệ DN phải kiểm tra hồ sơ khai thuế so với tổng số DN hiện có trên địa bàn Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới chiếm khoảng 27%. Tỷ lệ này tuy đã đạt yêu cầu do Tổng cục Thuế đề ra là tối thiểu 20% và cao hơn so với các Chi cục Thuế khác trong tỉnh song cần phải tăng tỷ lệ này hơn nữa vì số lượng DN ngày một tăng và ngày càng phức tạp.

** Đối với công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế*

Bảng 2.8: Số DN phải kiểm tra tại trụ sở NNT trong 3 năm 2014-2016

Năm	Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới	Chi cục Thuế huyện Bố Trạch	Chi cục Thuế huyện Quảng Trạch
Năm 2014	187	55	98
Năm 2015	198	58	105
Năm 2016	210	62	112

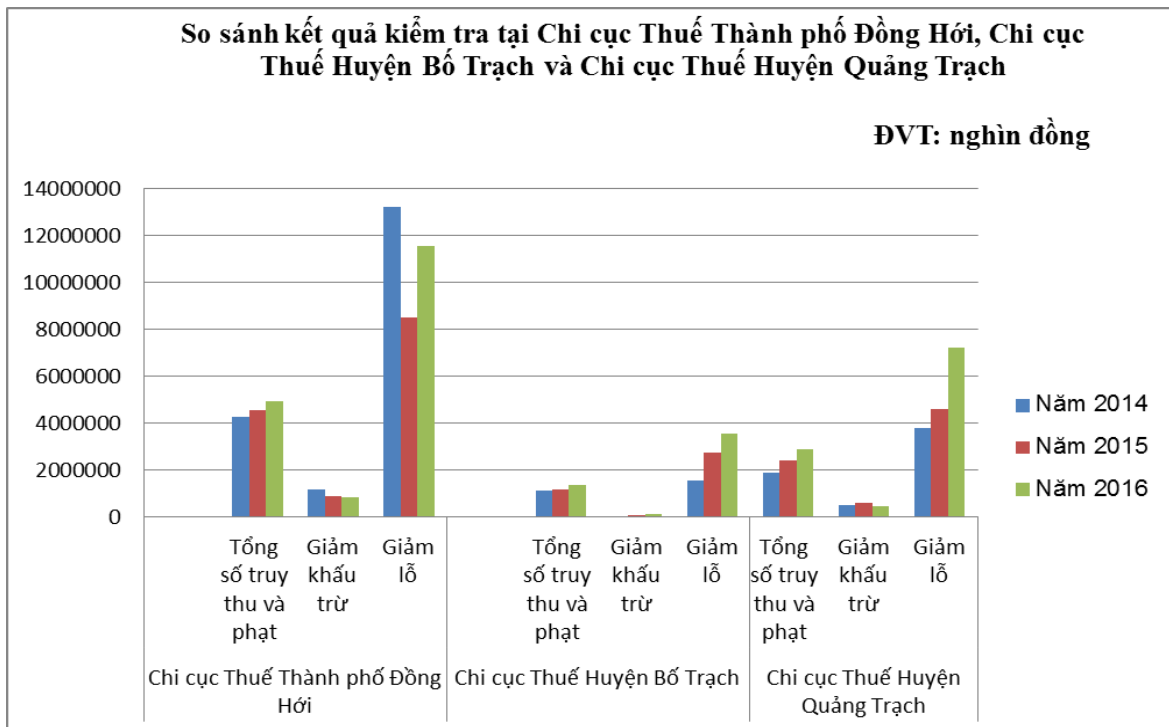
(Nguồn: Báo cáo kết quả kiểm tra ngành Thuế Quảng Bình từ năm 2014-2016)

Bảng 2.8 cho thấy, số DN phải kiểm tra tại trụ sở NNT tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới là cao nhất, cụ thể như sau:

Năm 2014: Số DN phải kiểm tra tại trụ sở NNT tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới cao gấp 3,4 lần Chi cục Thuế huyện Bố Trạch và cao gấp 1,9 lần Chi cục Thuế huyện Quảng Trạch.

Năm 2015: Số DN phải kiểm tra tại trụ sở NNT tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới cao gấp 3,4 lần Chi cục Thuế huyện Bố Trạch và cao gấp 1,88 lần Chi cục Thuế huyện Quảng Trạch.

Năm 2016: Số DN phải kiểm tra tại trụ sở NNT tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới cao gấp 3,38 lần Chi cục Thuế huyện Bố Trạch và cao gấp 1,87 lần Chi cục Thuế huyện Quảng Trạch.



Biểu đồ 2.3: So sánh kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT ở Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, Chi cục Thuế huyện Bố Trạch, Chi cục Thuế huyện Quảng Trạch từ năm 2014 - 2016

(Nguồn: Báo cáo kết quả kiểm tra của ngành Thuế Quảng Bình từ năm 2014-2016)

Số liệu ở Biểu đồ 2.3 cho thấy, tổng số truy thu và phạt, giảm khấu trừ, giảm lỗ của Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới cao hơn rất nhiều so với Chi cục thuế huyện Bố Trạch (gấp 4 lần) và gấp 2 lần so với Chi cục Thuế Huyện Quảng Trạch. Bình quân số truy thu và phạt mỗi cuộc kiểm tra của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới cao hơn so với Chi cục Thuế Bố Trạch (ở Chi cục Thuế Huyện Bố Trạch bình quân 20 triệu đồng) khoảng 2 triệu đồng và cao hơn so với Chi cục Thuế Quảng Trạch (bình quân là 22,7 triệu đồng) khoảng 500.000 đồng là không đáng kể vì các DN thuộc thành phố Đồng Hới quản lý thường có doanh thu, rủi ro lớn hơn so với Bố Trạch và Quảng Trạch và số DN phải kiểm tra tại trụ sở NNT cũng nhiều hơn nên số thu này vẫn không tương xứng với vị trí là một Chi cục Thuế thành phố.

2.3. Đánh giá thực trạng kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

2.3.1. Kết quả đạt được

Chương trình cải cách hệ thống thuế đã và đang được triển khai trên diện rộng, quá trình thực thi đã đem lại rất nhiều kết quả khả quan. Kiểm tra thuế được thực hiện theo hướng quản lý rủi ro từng bước hiện đại hóa, đảm bảo quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu, giảm nợ đọng, tăng thu cho NSNN. Qua thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của CQT, ý thức tuân thủ pháp luật của NNT ngày càng được nâng cao.

Đối với công tác tổ chức cán bộ: Trong giai đoạn 2014-2016, lãnh đạo Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đã quan tâm đến nhân lực các đội kiểm tra bằng cách luân chuyển 2 công chức có trình độ thạc sỹ về làm việc tại 2 đội kiểm tra, các trưởng đoàn kiểm tra đều là những công chức có năng lực và kinh nghiệm, đã qua nhiều lớp đào tạo về thanh tra, kiểm tra. Các công chức ở hai đội kiểm tra hầu hết là cử nhân kinh tế và được đào tạo, hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm tra thuế.

Công chức thuế làm nhiệm vụ kiểm tra thuế đã thể hiện tốt tinh thần trách nhiệm; có phẩm chất đạo đức, tác phong nghiêm túc. Bên cạnh đó, bộ phận nội bộ dưới sự điều hành của Chi cục trưởng thường xuyên kiểm tra dưới nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau để kịp thời nắm bắt, uốn nắn, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm của công chức thuế khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Với tiêu chí xây dựng đội ngũ công chức có chất lượng, công tác tuyển dụng công chức được Tổng cục Thuế quan tâm, đã xây dựng những tiêu chuẩn rõ ràng, nghiêm ngặt như trình độ thi phải tối thiểu đại học chính quy trở lên. Điều này giúp nuôi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng trong thời gian tới tại ngành Thuế nói chung.

Mặt khác, trụ sở làm việc của Chi cục thuế vừa được xây mới khang

trang, cơ sở vật chất làm việc của các phòng đều hiện đại tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả kiểm tra, mỗi công chức làm nhiệm vụ kiểm tra đều được hỗ trợ tiền xăng xe để thường xuyên đi về địa bàn mình quản lý để nắm rõ tình hình hoạt động của DN.

Đối với công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra: Việc lập kế hoạch kiểm tra đã được thực hiện đúng theo quy trình Tổng cục Thuế ban hành. Công tác lập kế hoạch kiểm tra đã áp dụng phương pháp quản lý rủi ro kết hợp với việc đánh giá, phân tích thông tin về các ĐTNT trên tờ khai thuế hàng tháng, BCTC và cơ sở dữ liệu của CQT Kế hoạch kiểm tra được tập trung vào nhóm DN lớn, kinh doanh đa ngành nghề trên địa bàn, các lĩnh vực, ngành hàng, các loại hình tổ chức có dấu hiệu thất thu thuế nên đã tránh được tràn lan và không gây phiền hà cho các DN chấp hành tốt pháp luật thuế.

Đối với công tác kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế: Đã được Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới thực hiện đúng quy trình đã giúp Chi cục Thuế kịp thời pháp hiện và chấn chỉnh các hành vi vi phạm của NNT, qua kiểm tra đã đề nghị DN giải trình, khai bổ sung hồ sơ khai thuế với số thuế khai bổ sung tăng thêm là 178 triệu đồng, phân loại các hồ sơ khai thuế có rủi ro cao để đưa vào kế hoạch kiểm tra cho các kỳ tiếp theo đảm bảo hiệu quả. Tỷ lệ số DN phải kiểm tra hồ sơ khai thuế so với tổng số DN đang hoạt động là 27% đạt yêu cầu đề ra của ngành thuế.

Đối với công tác kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế: Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Chi cục Thuế đã triển khai nhiệm vụ cụ thể cho từng công chức và các đoàn kiểm tra.

Thời gian qua, kiểm tra thuế đã được Chi cục Thuế quan tâm chỉ đạo và đã đạt được những kết quả đáng kể sau:

- Đã đề ra nhiều biện pháp thực hiện có hiệu quả vừa giảm bớt thời gian

kiểm tra, nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra tại các DN; mặt khác xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm chính sách thuế và phòng ngừa có hiệu quả các hành vi vi phạm.

- Trong 03 năm 2014-2016, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đã tổ chức kiểm tra được 595 DN và hoàn thành kế hoạch kiểm tra đã được phê duyệt. Các đoàn kiểm tra thuế đã xử lý truy thu thuế và xử phạt vi phạm hành chính, phạt nộp chậm vào NSNN đồng thời giảm khấu trừ thuế GTGT kê khai sai quy định và giảm lỗ. Số tiền truy thu và phạt qua kiểm tra của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới là cao nhất so với các Chi cục Thuế khác trong tỉnh. Không có trường hợp NNT cố tình không chấp hành quyết định kiểm tra, quyết định xử lý.

- Kết quả đôn đốc nộp số thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính qua kiểm tra tương đối cao, năm 2016 đã đôn đốc DN nộp được 95% số thuế truy thu và phạt vào NSNN. Kết quả xử lý qua kiểm tra số thuế truy thu và phạt năm sau cao hơn năm trước. Tỷ lệ thực hiện nộp vào NSNN sau kiểm tra đạt gần 100%.

- Qua kiểm tra đã góp phần tăng thu, chống thất thu cho NSNN đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác QLT. Thông qua kiểm tra xử lý các vi phạm về thuế góp phần răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận về thuế. Hiệu quả của kiểm tra thuế dần được khẳng định; góp phần tăng số thu, tạo lập công bằng về nghĩa vụ nộp thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các DN thuộc các thành phần kinh tế. Kết quả xử lý qua kiểm tra thuế cũng góp phần hoàn thành dự toán thu ngân sách.

Cùng với các biện pháp tuyên truyền hỗ trợ, kiểm tra thuế đã góp phần nâng cao dần tính tuân thủ tự giác trong việc chấp hành các chính sách thuế của NNT.

2.3.2. Tôn tại và nguyên nhân tôn tại của kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

2.3.2.1. Những tôn tại

Trong các năm 2014-2016, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ thu NSNN được giao, góp phần vào thành tích chung của toàn ngành thuế. Trong đó, kiểm tra thuế đóng góp một phần công sức, tuy nhiên quá trình thực hiện vẫn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục, đó là:

Một là, kết quả công tác kiểm tra tại CQT đạt được còn hạn chế. Trong 03 năm chỉ yêu cầu DN khai bổ sung đối với 18 hồ sơ khai thuế có sai sót là quá ít, số thuế khai bổ sung trung bình còn chưa cao. Mặt khác, trong 03 năm 2014-2016, các đội kiểm tra thuế đã không thực hiện ấn định thuế cho 1 DN nào do không đủ căn cứ ấn định thuế.

Hai là, kỹ năng phân tích và nhận biết rủi ro trong công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT còn yếu. Chẳng hạn:

+ Một số mặt hàng kinh doanh thương mại như điện thoại, xe máy... các công chức quản lý những DN này chưa có biện pháp thích hợp nhằm phát hiện và yêu cầu kê khai điều chỉnh bổ sung tăng giá;

+ Kiểm tra hồ sơ khai thuế còn mang tính đối phó, sơ sài.

+ Việc khai thác các chương trình QLT tại Chi cục Thuế vẫn còn một số bất cập, năng lực phân tích BCTC còn hạn chế.

+ Các DN có doanh thu tăng đột biến nhưng công chức quản lý DN không theo dõi phát hiện sớm để phối hợp với cơ quan công an trong việc điều tra mua bán hóa đơn. Đơn cử như trường hợp DN tư nhân Hiếu Trung (phường Đồng Sơn, TP.Đồng Hới). Từ năm 2013 đến năm 2014, DN này đã có hành vi mua 140 hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo (hóa đơn khống) để kê khai thuế GTGT đầu vào nhằm khấu trừ thuế GTGT đầu ra để trốn thuế với tổng số tiền lên đến 13,9 tỷ đồng. Nhưng đến đầu năm 2016, khi

Cơ quan Cảnh sát điều tra (Công an tỉnh) phối hợp với Chi cục Thuế Đồng Hới, hành vi trốn thuế của DN này mới được điều tra làm rõ.

+ Các hồ sơ khai thuế còn sai phạm vẫn còn nhiều tuy nhiên chỉ được phát hiện khi kiểm tra tại trụ sở NNT. Qua kiểm tra hồ sơ khai thuế phát hiện nhiều DN đã khai bổ sung, điều chỉnh nhưng lại không được cập nhật vào hệ thống quản lý ngành thuế, hoặc dữ liệu khai thuế bị lỗi treo trên hệ thống QLT còn nhiều, thông tin NNT còn sai lệch, thiếu chính xác như điện thoại, trụ sở, tên giám đốc, tên kế toán.

Ba là, kết quả kiểm tra tại trụ sở NNT: tổng số tiền thuế truy thu và phạt qua kiểm tra tuy có tăng cao qua các năm tuy nhiên số thuế truy thu và phạt tính trung bình cho 01 cuộc kiểm tra là còn thấp, chưa đạt yêu cầu trung bình là 30 triệu mỗi cuộc kiểm tra do lãnh đạo Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đề ra, chưa phản ánh đúng với thực trạng khai sai, gian lận thuế của các DN trên địa bàn hiện nay. Trong khi đó, bình quân một cuộc thanh tra do Cục thuế thực hiện là 70 triệu đồng.

- Chưa đẩy mạnh xây dựng và thực hiện các cuộc kiểm tra chống thất thu theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực mà mới chỉ thực hiện các cuộc kiểm tra theo chuyên đề dưới sự lãnh đạo của Cục Thuế, chất lượng các cuộc kiểm tra theo chuyên đề chưa được đánh giá thực tế và nghiêm túc.

- Thời gian kiểm tra tại trụ sở NNT dù đã được rút ngắn nhưng bị kéo dài, bình quân là 12 ngày/1 DN dẫn đến tiến độ thực hiện theo kế hoạch được duyệt chậm.

- Trong 3 năm, tỷ lệ DN kiểm tra tại trụ sở NNT ổn định và có tăng qua các năm nhưng mới chỉ đạt trung bình 14% so với số DN quản lý. Tỷ lệ các DN được kiểm tra như vậy còn đạt thấp so với yêu cầu của Ngành, yêu cầu của Ngành thuế tỉnh Quảng Bình là tỷ lệ này tối thiểu phải là 20%.

Bốn là, quá trình kiểm tra thường tập trung kiểm tra sắc thuế GTGT, TNDN mà ít quan tâm đến các sắc thuế, phí như TTĐB, TNCN, thuế TN, Phí BVMT làm thất thu ngân sách. Chưa thường xuyên đối chiếu và xác minh hóa đơn đầu vào, đầu ra nên chưa phát hiện các hóa đơn bất hợp pháp và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn. Một số hồ sơ kiểm tra còn mang tính chất sơ sài, qua loa do nể nang, đối phó. Một số hồ sơ kiểm tra thuế không tiếp nối được số liệu biên bản của những lần kiểm tra trước vì mất dữ liệu của hồ sơ kiểm tra thuế trong quá khứ dẫn đến kết quả xử lý thiếu chính xác.

Năm là, công tác lập kế hoạch kiểm tra vẫn còn tồn tại việc một số DN được đưa vào kế hoạch kiểm tra hàng năm song sau khi CQT tiến hành kiểm tra nhận thấy DN chấp hành rất tốt pháp luật thuế nên chỉ kết luận kiểm tra. Điều này đã gây lãng phí thời gian kiểm tra của CQT. Ngoài ra, việc ứng dụng hệ thống phân tích rủi ro (TPR) trong lập kế hoạch kiểm tra thuế còn mang tính phụ thuộc vào phân tích của phần mềm trong khi đó hệ thống này vẫn đang còn tồn tại nhiều nhược điểm do đang trong quá trình hoàn thiện nên còn bỏ sót một số DN có rủi ro cao nhưng chưa được phát hiện để đem vào kế hoạch kiểm tra.

2.3.2.2. Nguyên nhân của tồn tại

Những tồn tại nêu trên là do 2 nhóm nguyên nhân: nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan gây nên.

- Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, trình độ, năng lực của một số công chức làm nhiệm vụ kiểm tra còn yếu, nhân lực hai đội kiểm tra có 3 công chức trình độ tin học còn chậm và yếu, có một số công chức mới được tuyển vào cơ quan nhưng đã được phân vào hai đội kiểm tra nên phải mất 6 tháng để làm quen với công việc gây mất thời gian, lãng phí nguồn nhân lực, một số công chức kiểm tra ở cơ sở còn chưa nắm rõ các chính sách thuế, chưa thành thạo về kế toán

DN, phân tích đánh giá tài chính DN để phát hiện gian lận về thuế dẫn đến việc phân tích BCTC tại một số DN chưa sâu, chưa phát hiện được bất hợp lý giữa số liệu trên các báo cáo của đơn vị. Việc kiểm tra hồ sơ khai thuế, phân tích và quản lý rủi ro còn hạn chế, dẫn đến chưa nắm bắt, đánh giá chưa đúng thực trạng hoạt động của DN cũng là một nguyên nhân tạo ra "kê hở" cho các hành vi trốn thuế.

Các hành vi vụ lợi cá nhân, lợi dụng kiểm tra để gây phiền hà, sách nhiễu cho NNT vẫn chưa được phát hiện kịp thời và xử lý triệt để.

Thứ hai, tổ chức bộ máy kiểm tra chưa tương xứng với khối lượng công việc và vai trò kiểm tra thuế. Hiện nay, số DN NQD do Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới quản lý đến ngày 31/12/2016 là 1431 DN nhưng với lực lượng công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế tại 02 đội kiểm tra thuế chỉ có 19 người, chiếm 24% trong tổng số công chức của chi cục nên chưa đáp ứng được yêu cầu về số lượng công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế theo quy định của ngành nên công việc của đội vẫn còn nhiều áp lực về thời gian so với kế hoạch kiểm tra vì thế nên chưa thể triển khai được các cuộc kiểm tra theo ngành, lĩnh vực và chuyên đề bên cạnh các cuộc kiểm tra theo kế hoạch. Trong khi đó, theo chỉ đạo của Tổng cục Thuế, tỷ lệ công chức làm nhiệm vụ kiểm tra phải là 30%. Ngoài ra, có thể kể đến công tác quản lý DN hiện nay chưa được chặt chẽ.

Thứ ba, công tác lập kế hoạch kiểm tra còn yếu, chưa phát huy hết vai trò quan trọng của nó trong kiểm tra thuế. Việc đánh giá, rà soát các báo cáo dựa trên các số liệu kê khai hàng kỳ của DN kết hợp với các thông tin thu thập được trong quá trình kiểm tra, các thông tin thu thập được như: Các DN kinh doanh lớn, có DN nhiều năm chưa kiểm tra, DN có ý thức tuân thủ pháp luật kém để tiến hành lập kế hoạch kiểm tra hàng năm.

Hiện nay, việc xây dựng kế hoạch kiểm tra thuế của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới đang áp dụng theo kỹ thuật phân tích rủi ro tuy nhiên hệ thống phân tích rủi ro này vẫn chưa được hoàn chỉnh. Việc lập kế hoạch kiểm tra có nhiều khi chỉ dựa trên kinh nghiệm và đánh giá chủ quan của công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế mà chưa có sự cộng hưởng giữa kinh nghiệm thực tiễn của công chức kiểm tra thuế với ứng dụng phân tích rủi ro (TPR) nên nên đã bỏ sót nhiều NNT có sai phạm nhưng chưa được đưa vào kiểm tra xử lý.

Thứ tư, sự phối hợp giữa các đội thuộc văn phòng Chi cục, giữa CQT và các cơ quan chức năng chưa tốt. Đối với các đội thuộc văn phòng Chi cục: chưa có sự phối hợp tốt trong việc giám sát tình hình kê khai của DN giữa các bộ phận kê khai, kiểm tra tại Văn phòng Chi cục Thuế, hai đội kiểm tra thuế chưa nắm được danh sách các DN đã từng bị xử phạt vi phạm trong lĩnh vực kê khai để đưa vào phân tích hồ sơ khai thuế tại CQT, chưa có nhiều sự phối hợp trong đôn đốc, xử lý những DN chây ì trong việc chấp hành kê khai thuế. Đối với cơ quan điều tra: công tác phối hợp với cơ quan điều tra để xử lý các DN bỏ trốn nợ thuế, các DN mua bán hóa đơn chưa thật triệt để, chưa xác định rõ hành vi bỏ trốn mang theo hóa đơn không kê khai. Chưa có sự phối hợp với sở kế hoạch đầu tư đối với các DN mới thành lập để thẩm định kỹ những chỉ tiêu như nhân thân giám đốc, chủ cơ sở kinh doanh về năng lực, trình độ, về vốn, trụ sở DN đề phòng thành lập DN “ma”. Chưa có sự phối hợp tốt với ngân hàng để lấy những giấy báo có, báo nợ từ ngân hàng trong việc xác định chính xác hoạt động thanh toán của các DN NQD.

Thứ năm, hệ thống cơ sở dữ liệu về hồ sơ khai thuế của NNT phục vụ công tác quản lý của ngành nói chung và kiểm tra thuế nói riêng tuy đã được xây dựng tập trung, tuy nhiên tình trạng thông tin vẫn không được cập nhật đầy đủ và thường xuyên khi có sự thay đổi từ phía NNT. Các chỉ tiêu được sử dụng vào công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra nhiều lúc không được cập nhật

dẫn đến hiệu quả của việc phân tích không được ứng dụng trong quá trình kiểm tra. Việc thực hiện thành công phương pháp đánh giá rủi ro phụ thuộc tới 70% vào cơ sở dữ liệu, chính vì vậy một cơ sở dữ liệu đầy đủ, chính xác mới mang lại kết quả phân tích đúng.

Hệ thống cơ sở dữ liệu của NNT chưa cập nhật kịp thời, nhiều thông tin thay đổi của NNT do người NNT không khai thay đổi thông tin mà công chức làm nhiệm vụ quản lý DN lại không theo dõi sát sao nên thông tin NNT còn thiếu chính xác và thiếu tính cập nhật. Các dữ liệu về kiểm tra thuế của từng đối tượng NNT vẫn không đầy đủ, quá trình thực hiện kiểm tra thuế chưa kế thừa những số liệu phân tích hồ sơ khai thuế tại CQT của các năm trước, chưa xuyên suốt được cái cũ và cái mới. Các sổ theo dõi thu nộp NNT không cập nhật chính xác theo từng thời điểm mà chỉ cập nhật chính xác sau khi khóa sổ.

- Nguyên nhân khách quan

Một là, hệ thống chính sách pháp luật thuế còn nhiều điểm chưa hoàn thiện:

+ Về thủ tục để tiến hành một cuộc kiểm tra hiện nay được thực hiện tại Chi cục còn nhiều bất cập như: Đối với những đơn vị nhiều năm sai phạm, các đơn vị qua năm bắt thông tin có nhiều sai phạm đầy đủ căn cứ để tiến hành kiểm tra tại đơn vị. Tuy nhiên, vẫn phải ra thông báo bằng văn bản đề nghị NNT giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu, thời hạn giải trình trong 10 ngày, trường hợp NNT đã giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu nhưng không chứng minh số thuế khai là đúng thì công chức kiểm tra báo cáo trưởng bộ phận kiểm tra trình Thủ trưởng cơ quan thuế phát hành thông báo yêu cầu NNT khai bổ sung, thời hạn là 10 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo, hết thời hạn theo thông báo mà NNT không giải trình, bổ sung thêm thông tin tài liệu hoặc giải trình nhưng không chứng minh

được số thuế khai là đúng thì lúc đó CQT mới đủ điều kiện để tiến hành kiểm tra tại trụ sở của NNT hoặc ấn định thuế.

+ Nội dung các sắc thuế còn phức tạp, hệ thống chính sách thuế vẫn còn lằng lắt nhiều chính sách xã hội, còn nhiều mức miễn, giảm thuế gây khó khăn trong quá trình kiểm tra thuế cũng như dễ phát sinh tiêu cực thông đồng giữa công chức kiểm tra với NNT.

Hai là, những bất cập trong chính sách thuế đã tạo điều kiện cho DN gian lận, trốn thuế. Thực tế cho thấy, nhiều DN đã thực hiện hành vi trốn thuế trong một thời gian dài, nhưng vẫn không bị phát hiện. Theo cơ chế QLT hiện nay, thì DN tự tính, tự khai và tự nộp thuế, nghĩa là các thủ tục để nộp thuế của họ đã đầy đủ, hóa đơn đã hợp pháp, nên khó mà phát hiện. Chỉ khi qua nhiều đợt thanh tra, kiểm tra phát hiện thấy DN có một số dấu hiệu lặt đi lặt lại bất thường về thủ tục, thì CQT mới phối hợp cùng cơ quan Công an vào cuộc xác minh, điều tra.

Ngoài ra, nhiều DN còn lợi dụng Nghị định 51/2010/NĐ-CP của Chính phủ về việc DN tự chủ trong việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hóa đơn để trốn thuế. Quy định của Tổng cục thuế về việc các DN không cần phải nộp bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra gây khó khăn cho công chức đội kiểm tra thuế trong việc phân tích hồ sơ khai thuế tại trụ sở NNT, giảm hiệu quả phát hiện sai phạm trong khai thuế.

Ba là, chức năng kiểm tra thuế chưa trở thành công cụ có hiệu lực để chống thất thu ngân sách và ngăn chặn các hành vi vi phạm về thuế. Chức năng điều tra các hành vi trốn thuế, gian lận tiền thuế chưa được quy định là một chức năng của CQT. CQT chưa được giao chức năng điều tra các vụ án vi phạm pháp luật về thuế mà đều phải chuyển qua cơ quan Công an trong khi đó lực lượng Công an không có đầy đủ dữ liệu, thông tin về NNT, thiếu

chuyên môn về QLT vì vậy công tác điều tra, khởi tố các vụ án trốn thuế chưa được kịp thời.

Bốn là, các cơ quan có liên quan chưa phối hợp tốt với Chi cục thuế khi có yêu cầu. Việc hỏi âm trả lời các kết quả xác minh điều tra sau khi đã nhận được tài liệu từ CQT của cơ quan điều tra còn hạn chế dẫn đến tình trạng CQT đặt nghi vấn DN vi phạm bị kéo dài, còn có trường hợp cơ quan điều tra yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ DN chung chung, dàn trải hoặc hồ sơ đã được cung cấp cho cơ quan điều tra nhưng giữa các cấp, các bộ phận vẫn yêu cầu CQT cung cấp dẫn đến cung cấp trùng lặp làm ảnh hưởng đến thời gian và nhân lực của CQT. Cũng có trường hợp cơ quan Công an yêu cầu cung cấp hồ sơ nhưng không liên hệ lại để bàn giao.

Năm là, trình độ hiểu biết và ý thức tuân thủ pháp luật của NNT còn hạn chế. Tình trạng sử dụng tiền mặt trong thanh toán vẫn còn phổ biến do thói quen tiêu dùng của người dân dẫn đến nhiều tiêu cực trong thanh toán như mua hàng không lấy hóa đơn, hóa đơn ghi không, khai tăng chi phí. Một mặt họ chưa thấy được vai trò, ý nghĩa của tiền thuế, quyền lợi của NNT, mặt khác quan trọng hơn, họ chưa nhận thức được tính pháp lý của nghĩa vụ thuế trong quy định pháp luật, không thực hiện hoặc thực hiện sai nghĩa vụ thuế tức là vi phạm pháp luật. Đặc biệt hiện nay, cơ chế tự khai, tự nộp là một cơ chế mà CQT có nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn để NNT hiểu rõ chính sách thuế, các thủ tục về thuế từ đó thực hiện nghĩa vụ thuế của mình. CQT không can thiệp vào việc thực hiện nghĩa vụ thuế của NNT nếu như NNT tự giác tuân thủ nghĩa vụ thuế. Điều đó cho thấy việc nâng cao nhận thức của người dân về nghĩa vụ thuế là cần thiết.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 tác giả đã khái quát tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới và giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành cũng như chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới. Tiếp theo tác giả tiến hành phân tích thực trạng kiểm tra thuế đối với DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới từ đó đánh giá thực trạng kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở đánh giá thực trạng tác giả chỉ ra những kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế; đặc biệt làm rõ các nguyên nhân của tồn tại, coi đây là những căn cứ thực tiễn cho việc đề ra các giải pháp cũng như kiến nghị cho chương sau.

Chương 3:**ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KIỂM TRA THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP NGOÀI QUỐC DOANH TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH****3.1. Định hướng kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh****3.1.1. Định hướng về kiểm tra thuế của ngành Thuế**

Hiện nay, Việt Nam đang đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế nhanh, bền vững phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Trong xu thế phát triển đó, để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới của đất nước, ngành Thuế cũng đang thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011.

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển là: Xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mức động viên hợp lý nhằm tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước và là một trong những công cụ quản lý kinh tế vĩ mô có hiệu quả, hiệu lực của Nhà nước; xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; công tác QLT, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản là thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao.

Xác định vai trò và tầm quan trọng của kiểm tra trong công tác QLT, Chiến lược cũng đã nêu rõ những định hướng hoàn thiện và giải pháp nâng cao hiệu quả QLT nói chung và kiểm tra thuế nói riêng mà ngành Thuế phải thực hiện, đó là:

- Chuyển sang cơ chế thanh tra, kiểm tra theo mức độ rủi ro về thuế nhằm không gây phiền hà, cản trở công việc kinh doanh của NNT, không làm tốn kém về nguồn nhân lực, các chi phí không cần thiết cho CQT. Xây dựng và áp dụng mô hình tuân thủ của NNT, thực hiện phân tích, đánh giá để lập kế hoạch kiểm tra thuế. Nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ điều tra về thuế cho CQT.

- Áp dụng công nghệ tin học vào kiểm tra thuế

- Triển khai thực hiện các kỹ năng kiểm tra thuế như phân tích báo cáo tài chính, sử dụng thông tin kinh tế ngành

- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong kiểm tra thuế

- Phát triển các chương trình kiểm tra đặc biệt theo chuyên ngành và theo từng lĩnh vực

3.1.2. Định hướng kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Cục Thuế tỉnh Quảng Bình

- Nâng cao năng lực hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ pháp luật của NNT.

- Xây dựng, ban hành chế độ quy định về quản lý kiểm tra thuế đối với NNT trên cơ sở quản lý rủi ro; xây dựng cơ sở dữ liệu NNT, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá rủi ro, phân loại NNT tại tất cả các khâu đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật thuế.

- Ứng dụng phần mềm tin học phục vụ kiểm tra thuế, ứng dụng phần mềm BCTC và ứng dụng phần mềm báo cáo kết quả kiểm tra.

- Thực hiện kiểm tra theo quy trình mới của Tổng cục thuế trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích đánh giá để lựa chọn các đơn vị có thất thu, gian lận thuế cao để đưa vào kế hoạch kiểm tra, trước khi kiểm tra phải chuẩn bị tốt các thông tin về đối tượng kiểm tra.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp với các ngành có liên quan trong kiểm tra thuế.[9]

3.1.3. Định hướng kiểm tra đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của công chức kiểm tra thuế để thực hiện các nội dung như: tập hợp thông tin, đánh giá rủi ro, lựa chọn chính xác các DN có rủi ro cao, các DN có gian lận thuế thật sự để lập kế hoạch kiểm tra; ứng dụng thành thạo phần mềm tin học phục vụ kiểm tra thuế.

- Tăng cường xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các đội thuộc Chi cục và giữa Chi cục Thuế với các cơ quan hữu quan khác như Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Sở kế hoạch và Đầu tư, Sở tài chính và các ngành khác để chia sẻ thông tin về tình hình SXKD của các DN NQD trên địa bàn quản lý.

- Phát triển các chương trình kiểm tra theo chuyên đề và theo từng lĩnh vực bên cạnh kiểm tra theo kế hoạch để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế.

- Nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật thuế của các DN NQD thông qua các lớp tập huấn chế độ chính sách mới, nâng cao công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT, coi NNT là bạn.[7]

3.2. Giải pháp hoàn thiện kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới

3.2.1. Phát triển số lượng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực phục vụ kiểm tra thuế có vai trò, vị trí rất quan trọng, là yếu tố quyết định đến hiệu quả kiểm tra thuế. Để có nguồn nhân lực làm nhiệm vụ kiểm tra thuế đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa ngành Thuế, cần không ngừng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn và phẩm chất đạo đức, tác phong nghề nghiệp của công chức

kiểm tra. Đặc biệt là năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành.

Công tác phát triển nguồn nhân lực của Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới nói chung và tại các đội kiểm tra thuế của Chi cục nói riêng trong những năm gần đây luôn được coi trọng, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những hạn chế. Trong thời gian tới, công tác này cần được đẩy mạnh hơn nữa thông qua một số giải pháp sau:

- Tổ chức sắp xếp, bố trí lại lực lượng công chức kiểm tra nhằm đáp ứng được các yêu cầu đặt ra khi thực hiện hiện đại hóa hệ thống thuế. Chuẩn hóa tiêu chuẩn trình độ nghiệp vụ của công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế: trình độ chuyên môn tối thiểu phải đại học trong lĩnh vực kinh tế - tài chính - ngân hàng, có thâm niên công tác trong ngành Thuế ít nhất từ 2-3 năm trở lên.

- Bổ sung lực lượng công chức kiểm tra thuế để số lượng công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế đạt từ 30% trở lên trên tổng số công chức đảm bảo đủ lực lượng hoàn thành khối lượng công việc tương đối lớn hiện nay. Quan tâm tạo điều kiện, bổ sung lực lượng công chức trẻ, có năng lực cho các đội kiểm tra thuế.

- Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức cho từng loại công chức thực hiện từng chức năng QLT, bảo đảm tính chuyên nghiệp để có căn cứ đánh giá, phân loại và bồi dưỡng công chức. Thông qua tiêu chí này để đánh giá hiệu quả và chất lượng công việc của công chức, qua đó thúc đẩy và tạo động lực cho công chức phấn đấu trong công việc. Bên cạnh đó, cần có chế độ khen thưởng, động viên kịp thời công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có sáng kiến, sáng tạo trong công việc.

- Tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ; phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của mỗi cá nhân trong xử lý công việc, tạo ra tính chuyên môn hóa.

- Tăng cường công tác đào tạo công chức kiểm tra nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, tính tuân thủ pháp luật của công chức thuế, từ cơ bản đến chuyên sâu, đặc biệt là công tác đào tạo đội ngũ lãnh đạo nguồn. Tăng cường kỹ năng và các biện pháp nghiệp vụ khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở NNT.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, tạo nguồn đối với lực lượng công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế của Chi cục Thuế để bổ nhiệm, bổ sung vào đội ngũ lãnh đạo và công chức làm nhiệm vụ kiểm tra kịp thời khi có yêu cầu.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo Chi cục đối với việc thực thi chức trách nhiệm vụ của công chức khi thi hành kiểm tra thuế tại các DN. Thường xuyên chấn chỉnh về lề lối, tác phong, thái độ của công chức thuế khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra thuế để ngăn chặn tiêu cực có thể xảy ra, nâng cao phẩm chất đạo đức nghề nghiệp trong từng công chức thuế.

3.2.2. Hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế

Để hoàn thiện công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế của Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới, tác giả đưa ra các giải pháp sau:

- Trên cơ sở các tiêu chí đánh giá rủi ro của quy trình kiểm tra thuế, Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá rủi ro về thuế và các thang điểm tương ứng với từng loại rủi ro, tổng hợp kết quả đánh giá rủi ro và xếp loại rủi ro từ cao xuống thấp. Căn cứ vào nguồn lực công chức kiểm tra thuế sẽ chọn những NNT để kiểm tra thuế theo mức độ rủi ro thuế từ cao đến thấp.

- Ứng dụng tin học vào việc phân tích, chọn NNT để kiểm tra: nghiên cứu và xây dựng phần mềm hỗ trợ cho việc phân tích và lựa chọn NNT để kiểm tra thuế theo các tiêu chí đánh giá rủi ro và có chấm điểm theo mức độ rủi ro từ cao đến thấp.

- Xây dựng hệ thống phần mềm phân tích thông tin thu nộp thuế, tình hình SXKD và phân tích kinh tế ngành... để lựa chọn những trường hợp, hiện tượng có vi phạm về thuế.

- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động, thay đổi, tình trạng kê khai, nộp thuế và tình hình tài chính của từng tổ chức, cá nhân nộp thuế phục vụ cho công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế.

3.2.3. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu người nộp thuế phục vụ hiệu quả cho thanh tra, kiểm tra thuế

Hiệu quả kiểm tra thuế phụ thuộc rất lớn vào việc khai thác và phân tích thông tin NNT trên các ứng dụng QLT mà ngành thuế đã xây dựng và thu thập được. Xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu về NNT được cập nhật một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ với sự hỗ trợ từ công nghệ thông tin hiện đại giúp ngành thuế có đầy đủ thông tin phục vụ công tác QLT, trong đó có kiểm tra thuế.

Hệ thống cơ sở dữ liệu NNT cần đảm bảo cung cấp các nội dung liên quan đến NNT như sau:

- Thông tin chung về NNT: Loại hình kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính, cơ cấu tổ chức, hình thức hạch toán kế toán, hình thức sở hữu vốn, số lao động....;

- Thông tin tình hình SXKD và kê khai nộp thuế: thông tin trong tờ khai các loại thuế, phí, lệ phí (tờ khai, bảng kê...); thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế (BCTC; quyết định miễn, giảm thuế...);

- Thông tin về tính tuân thủ kê khai và nộp thuế: tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách của NNT (số lần nộp chậm, không nộp tờ khai...);

- Cơ sở dữ liệu về kết quả kiểm tra qua các năm;

- Thông tin từ các bên liên quan: Kho bạc, Hải quan, các bộ, ngành, báo, đài, thông tin tố cáo...

Hoàn thiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra thuế là một trong những mục tiêu của chương trình hiện đại hóa ngành thuế. Việc ứng dụng công nghệ thông tin cần được hoàn thiện theo các hướng: nghiên cứu xây dựng phần mềm máy tính hỗ trợ kiểm tra thuế từ khâu thu thập, bổ sung cơ sở dữ liệu NNT; chuyển đổi dữ liệu để phân tích, đánh giá, xác định mức độ rủi ro về thuế.

3.2.4. Hoàn thiện kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra thuế

Việc áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra thuế đã giúp toàn ngành thuế lựa chọn đối tượng kiểm tra tương đối phù hợp, tỷ lệ số DN có xử lý truy thu qua kiểm tra so với số DN được kiểm tra đạt khá cao, giảm bớt tình trạng kiểm tra tràn lan, gây khó khăn cho DN. Những kết quả đạt của kiểm tra thuế trong thời gian qua đã khẳng định việc áp dụng phương pháp kiểm tra theo rủi ro là đúng đắn cần tiếp tục thực hiện. Để tiếp tục hoàn thiện, phát triển và mở rộng các kỹ năng kiểm tra trong thời gian tới, Chi cục thuế Thành phố Đồng Hới cần chú trọng vào các vấn đề sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các tiêu thức đánh giá rủi ro về thuế, tạo điều kiện cho việc đánh giá, xếp hạng rủi ro đối với từng NNT và việc lập kế hoạch kiểm tra được chính xác hơn. Trong quá trình áp dụng các tiêu thức này, công chức kiểm tra cần đánh giá mức độ hiệu quả, chính xác của từng tiêu thức từ đó đề xuất với Tổng cục Thuế để sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Các tiêu thức cần được hoàn chỉnh theo hướng đơn giản, dễ làm, dễ đánh giá và có mối quan hệ với nhau, tránh tình trạng các sử dụng các tiêu thức đánh giá cùng một đối tượng lại cho các kết quả rủi ro thuế khác nhau. Ví dụ như tiêu thức đánh giá các loại thuế trực thu cần tập trung vào thu nhập chịu thuế, ngành nghề kinh doanh; tiêu thức đánh giá các loại thuế gián thu cần tập trung vào doanh thu, quy mô DN, ngành nghề kinh doanh, từ đó giúp cho việc

đánh giá rủi ro, lựa chọn đúng đối tượng để thực hiện thanh tra, kiểm tra thuế.

Phải có sự phân chia các tiêu thức đánh giá rủi ro đối với từng lĩnh vực, từng khu vực SXKD khác nhau.

Các tiêu thức cần được xây dựng và hoàn thiện theo hướng đơn giản, dễ đánh giá và có mối quan hệ với nhau. Nếu các tiêu thức đánh giá trên chỉ được xem xét đơn lẻ thì khó có thể đưa ra nhận định đúng đắn, vì vậy công chức thanh tra, kiểm tra cần sử dụng kết hợp các tiêu thức với nhau, qua đó nhận định rủi ro thuế được chính xác hơn.

- Xây dựng các phần mềm ứng dụng hỗ trợ kỹ thuật quản lý rủi ro: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện phần mềm ứng dụng hỗ trợ kiểm tra từ khâu thu thập cơ sở dữ liệu của DN, chuyển đổi dữ liệu để phân tích, đánh giá, xác định mức độ rủi ro phục vụ việc lựa chọn đối tượng và lập kế hoạch kiểm tra. Cụ thể:

- + Phần mềm hỗ trợ phân tích, nhận dạng rủi ro (phân tích ngang, dọc, tỷ suất...);
- + Phần mềm hỗ trợ chuyển đổi, xử lý dữ liệu đầu vào;
- + Phần mềm hỗ trợ kiểm tra rủi ro phát hiện tại CQT;
- + Phần mềm hỗ trợ đánh giá rủi ro và kiểm tra thuế TNCN;
- + Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ kiểm tra.

Trên cơ sở phần mềm được xây dựng, từ các dữ liệu thông tin NNT, phần mềm sẽ tự tính toán ra được các chỉ tiêu đánh giá rủi ro thuế đối với từng NNT, điều đó giúp công chức kiểm tra tiết kiệm được thời gian, công sức và lựa chọn đúng đối tượng kiểm tra. Mặt khác, nhờ có phần mềm, công việc kiểm tra sẽ có trọng tâm hơn, tập trung hơn vào những vấn đề rủi ro, trọng yếu.

- Xây dựng các mô hình phân tích theo ngành và theo sắc thuế: Trên cơ sở áp dụng các tiêu thức đánh giá rủi ro về thuế do Tổng cục Thuế và Cục

Thuế hướng dẫn, Chi cục Thuế cần xây dựng các tiêu thức đánh giá rủi ro phù hợp với tình hình QLT trên địa bàn mình. Tùy theo các hình thức gian lận thuế của từng ngành nghề ở từng sắc thuế cụ thể mà qua đó xây dựng tiêu thức đánh giá rủi ro cho phù hợp và sát với thực tế của NNT.

- Hoàn thiện, nâng cao phương pháp phân tích rủi ro: Để xác định rủi ro thuế của DN, tất yếu phải phân tích DN đó. Việc phân tích cần được thực hiện riêng cho từng nội dung cần làm rõ khi kiểm tra tại DN. Chẳng hạn, khi phân tích doanh thu cần tập trung so sánh doanh thu qua các tháng liền kề hoặc các tháng cùng kỳ năm trước, rà soát các khoản thu tiền trong kỳ, phân tích nợ phải thu, ước tính doanh thu từ sản lượng và giá bán, ước tính doanh thu từ sản lượng sản xuất và hàng tồn kho, ước tính doanh thu từ các chi phí sản xuất và tiêu thụ liên quan.

Có thể thấy, để phân tích về một NNT, việc so sánh, đối chiếu chéo tài liệu là rất cần thiết. Qua phân tích, công chức kiểm tra có thể phát hiện các sai lệch, mâu thuẫn của DN trong việc kê khai, tính và nộp thuế. Việc so sánh, đối chiếu cần được thực hiện cụ thể với từng sắc thuế, ví dụ, khi kiểm tra hồ sơ khai thuế GTGT, công chức kiểm tra cần so sánh đối chiếu số liệu trên tờ khai thuế với số liệu trên bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra; Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào; Bảng phân bổ số thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ và các bảng kê khác để phát hiện mâu thuẫn giữa các số liệu.

3.2.5. Tăng cường kiểm tra về thuế theo một số lĩnh vực, chuyên đề

**** DN xây dựng lắp đặt***

DN xây dựng lắp đặt tồn tại một số đặc điểm như: Thanh toán chậm, thời gian thi công kéo dài, hồ sơ thanh quyết toán phức tạp, chứng từ đầu vào phát sinh tại nhiều địa phương... Việc kê khai nộp thuế của các DN xây dựng thường phát sinh nhiều hành vi vi phạm, trong đó có thể kể đến các hành vi cơ bản sau:

- Chủ đầu tư đã có biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành nhưng nhà thầu không kê khai tính thuế GTGT và quyết toán thuế TNDN mà treo trên chi phí SXKD dở dang;

- Các công trình thực hiện trong thời gian dài, không tiến hành nghiệm thu từng phần mà thực hiện tạm ứng, treo trong nhiều năm;

- Kê khai hạch toán, phân bổ chi phí máy xây dựng, chi phí thuê ngoài, chi phí phân công thời vụ... không theo từng công trình, gây khó khăn trong thanh tra, kiểm tra.

Trước những hành vi vi phạm rất khó khăn và phức tạp của lĩnh vực xây dựng, đòi hỏi công chức kiểm tra phải vững trong chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời phải vững trong nghiệp vụ kế toán và nghiệp vụ khác.

Một số phương pháp kiểm tra có thể sử dụng:

- Yêu cầu cung cấp hợp đồng thực hiện;

- Kiểm tra đối chiếu hợp đồng xây lắp ký với chủ đầu tư; so sánh với các sổ sách kế toán. Đối chiếu với từng hạng mục hoàn thành theo thời gian với việc ghi chép trên sổ sách kế toán;

- Đối chiếu với việc thanh toán với các hạng mục hoàn thành;

- Đối chiếu chi phí tập hợp quyết toán với chi phí phát sinh theo từng lần nghiệm thu hoàn thành theo công trình; đối chiếu số liệu dự toán so với quyết toán;

- Kiểm tra xác định các công trình hoàn thành nhưng chưa nghiệm thu, công trình đã hoàn thành nhưng chủ đầu tư chưa thanh toán, các công trình ghi giảm doanh thu của năm trước, ghi giảm của năm báo cáo;

- Xác định số tiền người mua ứng trước theo trình tự thời gian để xác định doanh thu tính trước;

* Các DN kinh doanh lĩnh vực ăn uống, khách sạn

Các DN này tự kê khai thuế dựa trên hóa đơn đầu ra, tuy nhiên người

dân lại chưa có thói quen lấy hóa đơn sau khi sử dụng dịch vụ ăn uống, lưu trú hay khi người dân có nhu cầu thì DN lại cố tình không cung cấp hóa đơn bằng nhiều lý do. Để giải quyết vấn đề này, Chi cục thuế Thành phố Đồng Hới nên lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra đột xuất việc xuất hóa đơn, kê khai thuế vào các giờ cao điểm tại các DN kinh doanh ăn uống; nếu phát hiện sai phạm thì CQT có quyền ấn định mức thuế.

Về lĩnh vực khách sạn, cần tăng cường công tác phối hợp giữa Chi cục thuế với cơ quan công an để nắm rõ lượng khách lưu trú. Qua đó, đấu tranh xử lý đối với các đơn vị cố tình khai man công suất buồng phòng, đặc biệt trong mùa cao điểm du lịch.

*** Các doanh nghiệp kinh doanh mua bán xăng dầu**

Các DN này thường nhập xăng dầu trôi nổi trên thị trường về bán và không kê khai, nộp thuế cho lượng hàng này (trốn cả việc kê khai lượng hàng, doanh số nhập vào và lượng hàng, doanh số bán ra). Hiện tượng này vừa gây thất thu NSNN vừa tạo môi trường không bình đẳng trong kinh doanh, đồng thời khó bảo vệ được quyền lợi của người tiêu dùng. Vì thế, trong thời gian tới, Chi cục thuế Thành phố Đồng Hới nên phối hợp với Sở khoa học và Công nghệ thành lập đoàn kiểm tra liên ngành tiến hành niêm phong các đồng hồ tổng trên các phương tiện đo xăng dầu của các DN hoạt động kinh doanh xăng dầu. Định kỳ, CQT kiểm tra số lượng xăng, dầu bán ra để biết được doanh thu thực tế đồng thời quản lý được lượng xăng, dầu nhập vào không rõ nguồn gốc của các DN. Với việc dán tem này, toàn bộ đầu vào xăng dầu được kiểm soát, từ đó tất cả lượng xăng dầu bán ra đều được kê khai nộp thuế.

Mặt khác, theo thói quen phần lớn người tiêu dùng khi mua xăng dầu đều không lấy hóa đơn nên một số DN đã bán hoặc cho các DN, tổ chức kinh doanh có nhu cầu lấy hóa đơn để hạch toán, làm giảm nghĩa vụ về thuế GTGT, thuế TNDN. Vì thế, nên có quy định về tỷ lệ bán lẻ nhằm khống chế số lượng xăng dầu bán ra, hạn chế việc bán hóa đơn khống.

3.2.6. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế phối hợp các ngành có liên quan trong kiểm tra thuế

Đây là công việc rất quan trọng đối với kiểm tra thuế do đối tượng điều tiết của thuế rất rộng, trên mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế. Cơ chế phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan tốt sẽ trợ giúp rất lớn cho thanh tra, kiểm tra; cụ thể:

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư những nội dung liên quan đến công tác đăng ký DN; thay đổi nội dung kinh doanh, giải thể DN.

- Phối hợp với cơ quan công an các cấp nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật; đồng thời cung cấp kịp thời, đầy đủ dữ liệu cho cơ quan công an trong công tác điều tra tội phạm kinh tế.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra để phát hiện các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, không đúng hợp đồng và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, các DN có khai thác tài nguyên khoáng sản.

- Phối hợp với Ngân hàng trong việc xác minh tính minh bạch của chứng từ ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi trong hoạt động thanh toán của các DN trong kiểm tra thuế.

3.2.7. Nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thuế cho doanh nghiệp trên địa bàn

Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, tư vấn chính sách, pháp luật thuế cho NNT luôn được chú trọng và đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần tăng thu cho ngân sách. Tuy nhiên, trên thực tế nhận thức của người dân về chính sách thuế vẫn còn hạn chế về nhiều mặt, vì vậy để NNT tự nguyện, tự giác thực hiện chính sách thuế cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đổi mới phương thức, phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền. Chú trọng tuyên truyền có tính giáo dục, thuyết phục để NNT ý

thức đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa tuyên truyền, hỗ trợ NNT.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kịp thời chính sách thuế cho NNT, nhất là ĐTNT mới ra kinh doanh. Tuyên dương kịp thời thành tích các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt nghĩa vụ thuế, đối thoại với NNT để giải đáp kịp thời những vướng mắc trong việc thực hiện chính sách thuế.

- Tiếp tục triển khai hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn NNT qua thư điện tử, trang thông tin điện tử của ngành thuế để người dân dễ dàng tìm hiểu chính sách thuế, các thủ tục về thuế và các nội dung khác có liên quan.

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Đối với nhà nước

Hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thuế: Đến nay hệ thống chính sách, pháp luật về thuế của Việt Nam đã trải qua 3 giai đoạn cải cách và đã có một cơ cấu thuế tương tự các nước có nền kinh tế thị trường khác ở Châu Á.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hệ thống chính sách pháp luật về thuế của Việt Nam hiện nay còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới.

Trong thời gian tới, việc nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống chính sách về thuế ở Việt Nam cần tập trung các vấn đề sau:

- Cần mở rộng cơ sở tính thuế: Thông qua mở rộng phạm vi đối tượng chịu thuế, thu hẹp phạm vi ưu đãi, miễn giảm thuế bằng cách giảm bớt các chính sách miễn, giảm thuế không thiết thực, không công bằng nhằm đảm bảo tính công bằng của hệ thống chính sách, pháp luật về thuế.

- Giảm mức thu thuế đối với NNT thông qua từng bước giảm số lượng và mức thuế suất nhằm đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống chính sách pháp luật về thuế góp phần thúc đẩy SXKD .

- Trao quyền điều tra, khởi tố các vụ vi phạm pháp luật về thuế cho CQT tổ chức thực hiện.

3.3.2. Đối với Bộ Tài chính

Về mặt chính sách: Cho công khai doanh thu, chi phí, số thuế phải nộp và số thuế nợ đọng của các DN để đảm bảo việc kê khai và chấp hành pháp luật về thuế của các DN đúng quy định. Hoàn thiện hệ thống Thông tư liên tịch với các cơ quan hữu quan nhằm nâng cao hiệu quả QLT.

Về cơ chế: Nghiên cứu ban hành cơ chế kết nối thông tin để CQT có thêm dữ liệu về DN nhằm khai thác phục vụ công tác QLT.

3.3.3. Đối với Tổng cục Thuế

- Đối với các Chi cục Thuế có số công chức, số lượng DN NQD được phân cấp quản lý lớn đề nghị cho thành lập các đội thanh tra thuế nhằm giảm bớt áp lực cho kiểm tra thuế hiện nay.

- Đề nghị Tổng cục Thuế quy định nộp bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra kèm theo khi nộp hồ sơ khai thuế để tạo điều kiện cho công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT được hiệu quả và kiểm tra tại trụ sở NNT.

3.3.4. Đối với Cục Thuế tỉnh Quảng Bình

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế của các Chi cục về công tác tin học, kỹ năng kiểm tra thuế.

- Thành lập các đoàn thanh tra nội bộ để kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các đoàn kiểm tra và công chức làm nhiệm vụ kiểm tra thuế nhằm ngăn ngừa, hạn chế sai phạm của các đoàn kiểm tra.

- Hàng năm tiến hành tổng kết công tác kiểm tra thuế của toàn ngành nhằm phát huy những mặt tích cực cũng như rút ra những bài học kinh nghiệm của kiểm tra thuế tại các Chi cục.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, đối thoại cho các DN trong toàn tỉnh để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 tác giả đã chỉ ra các định hướng về kiểm tra thuế của ngành thuế nói chung và định hướng về kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở đó kết hợp với các nguyên nhân chủ quan và khách quan đã nêu ở chương hai tác giả đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Đây được coi là đóng góp khoa học mới về mặt thực tiễn của luận văn.

KẾT LUẬN

Tổ chức QLT theo mô hình chức năng thực hiện theo cơ chế tự khai, tự nộp là mô hình được áp dụng rộng rãi ở các nước có nền kinh tế phát triển. Mô hình này cũng phù hợp với thực tiễn Việt Nam về quản lý hành chính, kinh tế, ngân sách, về trình độ của NNT, của CQT trong giai đoạn hiện nay và khả năng chuyển đổi trong giai đoạn sắp tới; đáp ứng hội nhập quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi để tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm với thế giới và các nước trong khu vực. Kiểm tra thuế cùng với các công tác QLT khác dần được hoàn thiện cả chất lượng, đáp ứng theo đúng yêu cầu, mục tiêu của lộ trình cải cách và hiện đại hoá ngành thuế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được không thể không nhắc tới những hạn chế vẫn còn tồn tại trong kiểm tra thuế. Việc nghiên cứu các giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm tra thuế đã mang lại những ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

Trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu, bám sát mục tiêu, phạm vi nghiên cứu và qua thực tế làm việc tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới trong thời gian vừa qua, luận văn *“Kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình”* đã hoàn thành các nhiệm vụ sau:

Một là, luận văn xây dựng khung lý thuyết về kiểm tra thuế, nội dung quy trình kiểm tra thuế và những bài học rút ra cho Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới từ kinh nghiệm kiểm tra thuế đối với các DN NQD của một số nước trên thế giới và một số tỉnh, thành phố trong nước.

Hai là, trên cơ sở khung lý thuyết đã xây dựng, luận văn tiếp tục phân tích, đánh giá thực trạng kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới chỉ ra những kết quả đạt được, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại hạn chế.

Ba là, trên cơ sở những nguyên nhân chủ quan và khách quan đã chỉ ra, luận văn đưa ra những giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện kiểm tra thuế đối với các DN NQD tại Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn, tác giả đã tiếp thu những kiến thức mới và tham khảo một số tài liệu của các nhà khoa học, các thầy cô giáo và các bạn bè đồng nghiệp. Trong quá trình nghiên cứu chắc chắn không tránh khỏi những khiếm khuyết, chúng tôi vô cùng trân trọng cảm ơn sự thông cảm về những sơ sót của luận văn. Tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp và những người quan tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2013), *Thông tư 219/2013/TT-BTC Hướng dẫn thi hành Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP* ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế GTGT, Hà Nội.
2. Bộ tài chính (2014), *Thông tư 78/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP* ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập DN, Hà Nội.
3. Bộ tài chính (2015), *Thông tư 96/2015/TT-BTC Hướng dẫn về thuế thu nhập DN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP* ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Hà Nội.
4. Bộ tài chính (2013), *Thông tư 156/2013/TT-BTC Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật QLT và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật QLT và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP* ngày 22/07/2013 của Chính phủ, Hà Nội.
5. Bộ tài chính (2014), *Thông tư 151/2014/TT-BTC Hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP* ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, Hà Nội.
6. Bộ tài chính (2011), *Quyết định số 2162/QĐ-BTC* ngày 08/9/2011 về việc phê duyệt kế hoạch cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2015 và

- các đề án triển khai triển khai thực hiện chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020, Hà Nội.
7. Chi cục Thuế thành phố Đồng Hới, *Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra thuế 2014,2015,2016*, Quảng Bình.
 8. Chi cục Thuế Thành phố Đồng Hới, *Lịch sử hình thành và phát triển giai đoạn 2000-2014*, Quảng Bình.
 9. Cục Thuế tỉnh Quảng Bình, *Báo cáo công tác kiểm tra ngành thuế Quảng Bình 2014, 2015, 2016*, Quảng Bình.
 10. Phan Thị Minh Hiền (2012), *Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế của Cục Thuế đối với các DN trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
 11. Đặng Đình Long (2012), *Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra ở Cục Thuế Nam Định*, Luận văn Thạc sỹ Kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.
 12. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014
 13. Luật QLT số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006
 14. Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010
 15. Bùi Thái Quang (2013),”Phương pháp quản lý rủi ro, đảm bảo nguồn thu ngân sách bền vững”, *Tạp chí nghiên cứu tài chính kế toán*, số 8(589),tr. 45-49.
 16. Glen Schmit (2005), *Chương trình đào tạo thanh tra theo cơ chế tự khai, tự nộp*
 17. Nguyễn Xuân Thành (2013), *Nâng cao hiệu quả thanh tra người nộp thuế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sỹ Kinh tế, Học viện tài chính, Hà Nội.
 18. Nguyễn Thu Thủy (2010), *Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế trên cơ sở áp dụng kỹ thuật phân tích rủi ro tại Chi cục*

Thuế Quận Cầu Giấy, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.

19. Tổng cục Thuế (2010) , Chiến lược hoàn thiện hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2011-2020.
20. Tổng cục Thuế (2008), Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29 tháng 5 năm 2008 về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế.
21. Tổng cục Thuế (2015), Quyết định số 746/ QĐ-TCT ngày 20 tháng 4 năm 2015 về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế.
22. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình (2013), Quyết định số 396/ QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2013 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội thành phố Đồng Hới đến năm 2020.

Website

23. www.gdt.gov.vn/;
24. www.quangbinh.gdt.gov.vn/;
25. www.tailieudientu.lrc.tnu.edu.vn/;
26. www.luanvan.moet.edu.vn/;
27. www.tapchitaichinh.vn/;
28. www.siteresources.worldbank.org